

## LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên em xin được bày tỏ sự trân trọng và lòng biết ơn chân thành đối với thầy giáo ThS. Vũ Mạnh Khánh giảng viên khoa Công nghệ thông tin - Trường Đại học dân lập Hải Phòng. Trong suốt thời gian học và làm đồ án tốt nghiệp, thầy đã dành rất nhiều thời gian quý báu để tận tình chỉ bảo, hướng dẫn, định hướng cho em thực hiện đồ án.

Em xin chân thành cảm ơn tất cả các thầy cô giáo trong Bộ môn Công nghệ thông tin - Trường ĐHDL Hải Phòng, chân thành cảm ơn các thầy giáo, cô giáo tham gia giảng dạy và truyền đạt những kiến thức quý báu trong suốt thời gian em học tập tại trường, đã đọc và phản biện đồ án của em giúp em hiểu rõ hơn các vấn đề mình nghiên cứu, để em có thể hoàn thành đồ án tốt nghiệp này.

Em xin cảm ơn GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị Hiệu trưởng Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Ban giám hiệu nhà trường, Bộ môn tin học, các Phòng ban nhà trường đã tạo điều kiện tốt nhất cho em cũng như các bạn khác trong suốt thời gian học tập và làm tốt nghiệp.

Tuy có nhiều cố gắng trong quá trình học tập, trong thời gian thực tập cũng như trong quá trình làm đồ án nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong được sự góp ý quý báu của tất cả các thầy giáo, cô giáo cũng như tất cả các bạn để kết quả của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

*Hải Phòng, 04 tháng 07 năm 2011.*

Sinh viên

Đỗ Như Thành

## MỤC LỤC

<b>DANH MỤC HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU .....</b>	<b>3</b>
<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>4</b>
<b>CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ MICROSOFT VISUAL STUDIO, ASP.NET VÀ SQL SERVER 2005.....</b>	<b>5</b>
1.1. Tổng quan về MICROSOFT VISUAL STUDIO .....	5
1.1.1. Microsoft Visual Studio .....	5
1.1.2. Những chức năng của MICROSOFT VISUAL STUDIO .....	6
1.1.3. Các dòng sản phẩm đã phát hành của MICROSOFT VISUAL STUDIO .....	7
1.1.4. VISUAL STUDIO 2008.....	8
1.2. Giới thiệu ASP.NET .....	13
1.3. Giới thiệu SQL Server 2005 .....	15
<b>Chương II. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG.....</b>	<b>17</b>
2.1. Mô tả nghiệp của bài toán đặt ra.....	17
2.1.1. Tổng quan về bán hàng đa cấp .....	17
2.1.2. Mô tả bài toán.....	17
2.1.3. Mô tả mô hình nghiệp vụ .....	19
2.2. Các mô hình xử lý nghiệp vụ.....	28
2.2.1. Biểu đồ luồng dữ liệu mức 0 .....	28
2.2.2. Biểu đồ luồng dữ liệu mức 1 .....	29
2.3. Mô hình dữ liệu quan niệm.....	31
2.3.1. Xác định các thực thể .....	31
2.3.2. Xác định mối quan hệ giữa các thực thể .....	32

2.3.3. Biểu đồ của mô hình E-R .....	33
2.4.Thiết kế cơ sở dữ liệu .....	34
2.4.1.Chuyển mô hình E-R sang mô hình quan hệ.....	34
2.4.2. Thiết kế cơ sở dữ liệu vật lý.....	36
<b>Chương III. CÀI ĐẶT HỆ THỐNG VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG .....</b>	<b>39</b>
3.1. Hướng dẫn cài đặt.....	39
3.1.1. Cài đặt IIS.....	39
3.1.2.Cài đặt SQL Server 2005.....	40
3.2. Hướng dẫn sử dụng một số chức năng chính .....	41
3.2.1. Hướng dẫn sử dụng chức năng ĐĂNG KÝ .....	41
3.2.2. Hướng dẫn MUA SẢN PHẨM .....	42
3.2.3. Hướng dẫn Quản lý NPP .....	43
3.3.4. Hướng dẫn quản lý sản phẩm.....	44
3.3.5. Hướng dẫn gửi mail cho thành viên .....	45
3.4. Những vấn đề tồn tại và hướng phát triển .....	46
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>47</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>48</b>

## DANH MỤC HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU

Số hình	Tên hình	Trang
2.1.	Biểu đồ ngữ cảnh của hệ thống	19
2.2.	Biểu đồ phân rã chức năng nghiệp vụ	20
2.3.	Form đăng ký tài khoản	21
2.4.	Bảng hoa hồng	23
2.5.	Bảng giá	23
2.6.	Thông tin NPP	24
2.7.	Thẻ kích hoạt	24
2.8.	Ma trận thực thể chức năng	25
2.9.	Tiến trình hoạt động <i>mua sản phẩm</i>	26
2.10.	Tiến trình hoạt động <i>quản lý sản phẩm</i>	27
2.11.	Tiến trình hoạt động <i>quản lý nhà phân phối</i>	27
2.12.	Biểu đồ luồng dữ liệu mức 0	28
2.13.	Biểu đồ luồng dữ liệu mức 1 <i>mua sản phẩm</i>	29
2.14.	Biểu đồ luồng dữ liệu mức 1 <i>quản lý sản phẩm</i>	30
2.15.	Biểu đồ luồng dữ liệu mức 1 <i>quản lý nhà phân phối</i>	31
2.16.	Mô hình E-R của bài toán	33
2.17.	Biểu đồ của mô hình quan hệ	35
3.1.	Nhập thông tin đăng ký	41
3.2.	Giỏ hàng	42
3.3.	Thông kê danh sách nhà phân phối	43
3.4.	Xem thông tin NPP	43
3.5.	Cập nhật danh sách nhà phân phối	44
3.6.	Quản lý loại sản phẩm	44
3.7.	Quản lý sản phẩm	45
3.8.	Gửi mail	45

## MỞ ĐẦU

Trong xu thế hội nhập nền kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa như hiện nay, các công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam ngày càng mạnh mẽ. Hàng loạt công ty nước ngoài đã và đang xây dựng hệ thống phân phối theo mô hình kinh doanh theo mạng tại Việt Nam với hệ thống phân phối của họ là các công ty có quốc tịch Việt Nam hay những công ty do chính họ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đội ngũ quản lý, bên cạnh những công ty kinh doanh theo mạng xuất hiện trong bối cảnh trên còn những công ty “made in Việt Nam”, và nhìn chung những công ty này tồn tại như là thể hệ doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh theo mạng ở nước ta, đang không ngừng lớn mạnh, nhiều công ty trong số đó có cả mạng lưới phân phối quy mô toàn quốc với số lượng người tham gia rất lớn bao gồm đủ mọi thành phần, đủ lứa tuổi và doanh số bán hàng của chúng là những con số khổng lồ. Những điều này tác động không nhỏ đến nền kinh tế, đến lao động và tác động hoàn toàn không nhỏ đến đội ngũ sinh viên. Những vấn đề khai quát nêu trên cho thấy rằng kinh doanh theo mạng là mô hình kinh doanh tuy khá mới mẻ nhưng nó đang tồn tại như một vấn đề nhạy cảm và nóng bỏng.

Vì vậy, kinh doanh theo mạng cần được quan tâm thích đáng và việc nghiên cứu về nó là cần thiết. Vì thế, đề tài “*Xây dựng Website bán hàng đa cấp bằng ASP.NET*” được chọn làm đề tài nghiên cứu của em. Chương trình này được xây dựng để giúp cho các công ty, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có thể quảng bá thương hiệu và quản lý kinh doanh một cách dễ dàng và thuận lợi. Bên cạnh đó, sẽ giúp cho nhiều người có thể nhìn rõ hơn về bản chất của kinh doanh theo mạng.

Đề án tốt nghiệp gồm 3 chương:

Chương I Tổng quan về Microsoft Visual Studio, ASP.Net và SQL Server 2005

Chương II Phân tích thiết kế hệ thống

Chương III Cài đặt chương trình và thử nghiệm

Cuối cùng là kết luận, các tài liệu tham khảo và phụ lục.

## **CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ MICROSOFT VISUAL STUDIO, ASP.NET VÀ SQL SERVER 2005**

### **1.1. Tổng quan về MICROSOFT VISUAL STUDIO**

#### **1.1.1. Microsoft Visual Studio**

Là môi trường phát triển tích hợp chính (Integrated Development Environment (IDE) được phát triển từ Microsoft. Đây là một loại phần mềm máy tính có công dụng giúp đỡ các lập trình viên trong việc phát triển phần mềm.

Các môi trường phát triển hợp nhất thường bao gồm:

- Một trình soạn thảo mã (source code editor): dùng để viết mã.
- Trình biên dịch (compiler) và/hoặc trình thông dịch (interpreter).
- Công cụ xây dựng tự động: khi sử dụng sẽ biên dịch (hoặc thông dịch) mã nguồn, thực hiện liên kết (linking), và có thể chạy chương trình một cách tự động.
- Trình gỡ lỗi (debugger): hỗ trợ dò tìm lỗi.
- Ngoài ra, còn có thể bao gồm hệ thống quản lý phiên bản và các công cụ nhằm đơn giản hóa công việc xây dựng giao diện người dùng đồ họa (GUI).
- Nhiều môi trường phát triển hợp nhất hiện đại còn tích hợp trình duyệt lớp (class browser), trình quản lý đối tượng (object inspector), lược đồ phân cấp lớp (class hierarchy diagram),... để sử dụng trong việc phát triển phần mềm theo hướng đối tượng.

Như vậy, MICROSOFT VISUAL STUDIO được dùng để phát triển console (thiết bị đầu cuối – bàn giao tiếp người máy) và GUI (giao diện người dùng đồ họa) cùng với các trình ứng dụng như Windows Forms, các web sites, cũng như ứng dụng, dịch vụ web (web applications, and web services). Chúng được phát triển dựa trên một mã ngôn ngữ gốc (native code ) cũng như mã được quản lý (managed code) cho các nền tảng được được hỗ trợ Microsoft Windows, Windows Mobile, .NET Framework, .NET Compact Framework và Microsoft Silverlight.

Visual Studio hỗ trợ rất nhiều ngôn ngữ lập trình, có thể kể tên như sau: C/C++ ( Visual C++), VB.NET (Visual Basic .NET), và C# (Visual C#)... cũng như hỗ trợ

các ngôn ngữ khác như F#, Python, và Ruby; ngoài ra còn hỗ trợ cả XML/XSLT, HTML/XHTML, JavaScript và CSS...

### 1.1.2. Những chức năng của MICROSOFT VISUAL STUDIO

MICROSOFT VISUAL STUDIO có những chức năng cơ bản sau: soạn thảo mã (code editor); Trình gỡ lỗi (debugger); và Thiết kế (Designer). ở đây tôi chỉ trình bày một số công cụ quan trọng của chức năng Designer – đây được xem là một trong những điểm nhấn của microsoft visual studio.

- WinForms Designer: đây là công cụ tạo giao diện đồ họa dùng WinForms. Điểm đặc biệt ở đây là giao diện với người dùng sinh động, dễ nắm bắt. Nó bao gồm các phím bấm, thanh tác vụ, hay các box đa dạng (textbox, list box, grid view...). Bạn có thể di chuyển, kéo ra, nhúng thả chúng một cách dễ dàng.

- WPF Designer: WPF Designer còn có tên mã là Cider, được hỗ trợ trong Visual Studio 2008. Nó tạo các mã XAML cho giao diện người sử dụng (UI), mã này tích hợp với trình ứng dụng Microsoft Expression Design.

- Web designer: Visual Studio cũng hỗ trợ công cụ thiết kế trang web, trong đó cho phép các công cụ thiết kế trang web được kéo, thả, rê, nhúng một cách dễ dàng... Công cụ này dùng để phát triển trình ứng dụng ASP.NET và hỗ trợ HTML, CSS and JavaScript.

- Class designer: Đây là công cụ dùng để thực thi và chỉnh sửa lớp. Nó có thể dùng mã C# và VB.NET ...

- Data designer: Đây là công cụ dùng để chỉnh sửa một cách sinh động, linh hoạt các lược đồ dữ liệu, bao gồm nhiều loại lược đồ, liên kết trong và ngoài

- Mapping designer: Đây là công cụ tạo các mối liên hệ giữa sơ đồ dữ liệu và các lớp để quản lý dữ liệu một cách hiệu quả hơn.

Ngoài ra còn có thể kể tên một số công cụ khác như:

- Open Tabs Browser: Nó được dùng để liệt kê các tab đã mở và chuyển đổi giữa chúng. Bạn cũng có thể dùng phím nóng: CTRL + TAB.

- Properties Editor: Chức năng dùng để chỉnh sửa các chức năng của các cửa sổ giao diện đồ họa người dùng (GUI) trong Visual Studio. Nó có thể áp dụng cho các lớp, các mẫu định dạng hay trang web và các đối tượng khác.

- Object Browser: Đây là một thư viện tên miền và lớp trình duyệt cho Microsoft.NET.

- Solution Explorer: theo ngôn ngữ của Visual Studio, solution là một bộ phận của mã file và mã nguồn khác được dùng để xây dựng các trình ứng dụng. Công cụ Solution Explorer được dùng để để quản lý và trình duyệt các file trong solution.

- Team Explorer: Đây là công cụ dùng để hợp nhất các máy tính trong Team Foundation Server, và RCS (revision control system - hệ thống điều khiển xét duyệt) vào trong IDE

- Data Explorer: Data Explorer dùng để quản lý các dữ liệu trên các phiên bản của Microsoft SQL Server. Nó cho phép tạo lập và chỉnh sửa các bảng dữ liệu được tạo T-SQL commands hay dùng Data designer

- Server Explorer: Đây là công cụ dùng để quản lý dữ liệu trên máy tính được kết nối.

### **1.1.3. Các dòng sản phẩm đã phát hành của MICROSOFT VISUAL STUDIO**

MICROSOFT VISUAL STUDIO đã phát hành các dòng sản phẩm sau:

+ Visual Studio Express: trong đó bao gồm: Visual Basic Express; Visual C++ Express; Visual C# Express ; Visual Web Developer Express.

+ Visual Studio Standard

+ Visual Studio Professional

+ Visual Studio Tools for Office

+ Visual Studio Team System: trong đó bao gồm: Team Explorer (basic TFS client); Architecture Edition; Database Edition; Development Edition; Test Edition

Về Visual Studio Team System: Năm 2006, Microsoft đã mở rộng dòng sản phẩm Visual Studio của họ thêm một số nhóm sản phẩm có tên gọi là Visual Studio Team System. Chúng có một sản phẩm mới đó là Team Foundation Server cho việc



điều khiển mã nguồn, quản lý dự án, kiểm tra và mô hình hóa cũng như một số phiên bản của môi trường phát triển đã được tích hợp Visual Studio 2005 (IDE) hỗ trợ các tính năng của Team Foundation Server.

Visual Studio Team System là một dòng sản phẩm được thiết kế để hỗ trợ sự cộng tác và truyền thông giữa các chuyên gia phát triển phần mềm, những người đang sử dụng Visual Studio IDE. Team System hỗ trợ kiểm soát mã nguồn, quản lý dự án, quản lý xây dựng phần mềm, kiểm tra và các nhóm nhiệm vụ phát triển khác. Nó gồm có Visual Studio Team Foundation Server và một tập các phiên bản đặc biệt của Visual Studio 2005 Studio IDE hỗ trợ các role phát triển cụ thể như các kiến trúc sư, các chuyên gia phát triển phần mềm hay các kiểm tra viên. Các khả năng của Team System gồm có:

- Kiểm soát mã nguồn: Team System cung cấp một hệ thống kiểm soát mã nguồn mới, hệ thống này cho phép các chuyên gia phát triển có thể thực hiện hài hòa các thay đổi đối với các file mã nguồn cho một dự án.

- Quản lý dự án: Team System cung cấp một cơ sở dữ liệu quản lý dự án phần mềm có khả năng tùy chỉnh cho việc kiểm tra lỗi, các yêu cầu trong tương lai, các trường hợp thử và lĩnh vực khía cạnh công việc của các chuyên gia phát triển phần mềm khác thông qua toàn bộ một chu trình thiết kế, viết mã và kiểm tra.

Về Visual Studio Tools for Office: Visual Studio Tools for Office cho phép các chuyên gia phát triển phần mềm có thể tạo các ứng dụng tùy thích hoặc ứng dụng để mở rộng Word, Excel và Outlook với sự logic riêng (như một giao diện cuối đối với một hệ thống thanh toán) đang chạy dưới .NET Framework.

#### **1.1.4. VISUAL STUDIO 2008**

Visual Studio 2008, có tên mã là Orcas, là một phiên bản tiếp theo của Visual Studio 2005. Phiên bản Visual Studio này gồm các công cụ phát triển với .NET Framework 3.0, được cài đặt trước trong Windows Vista và cũng có sẵn cho Windows XP và Server 2003 như một add-on miễn phí. Các công cụ đã được lên kế hoạch gồm có bộ thiết kế kéo - thả cho các giao diện sử dụng đồ họa (GUI) Windows Presentation Framework và các công cụ thiết kế cho engine luồng công việc Windows Workflow Foundation. Orcas cũng sẽ cung cấp ngôn ngữ truy vấn tích hợp (LINQ), các mở rộng trong cơ sở dữ liệu và dữ liệu XML. Orcas sẽ cộng tác với các cộng cụ lập trình mới

nhất cho công cụ quản lý hệ thống theo sự phát triển trong cách giải quyết hệ thống động (Dynamic Systems Initiative). Tuy nhiên có một điều là Orcas không có J#, một ngôn ngữ giống như Java mà Microsoft lên kế hoạch để tiếp tục phát triển. (J# sẽ không được hỗ trợ chủ đạo vào năm 2012 và 5 năm hỗ trợ mở rộng sau đó).

Visual Studio 2008 tích hợp những tính năng có thể làm thoả mãn bất kỳ nhà phát triển ứng dụng nào. Visual Studio 2008 được đánh giá cao qua những điểm nổi trội sau:

Thứ nhất Visual Studio 2008 tích hợp phiên bản chính thức .NET Framework 3.5 và môi trường đồ hoạ động mới nhất Silverlight. Visual Studio 2008 còn có thêm một công cụ mới nữa là Popfly Explorer. Đây là công cụ cho phép nhà phát triển xây dựng các ứng dụng dịch vụ web trên nền tảng Silverlight mới ra mắt của Microsoft. Một dạng nền tảng tương tự Adobe Flash.

Thứ hai Visual Studio 2008 giờ cũng đã tích hợp khả năng hỗ trợ nhiều ngôn ngữ động như IronRuby và IronPython. Và cuối cùng là Visual Studio 2008 được Microsoft tích hợp thêm LINQ. Tính năng này cho phép ngôn ngữ lập trình .NET có thể truy vấn dữ liệu thông qua Lexicon tương tự như SQL nhưng không cần phải thông qua các bộ xử lý dữ liệu như ADO.

Thứ ba Công cụ Sync Framework tích hợp sẵn giúp mở rộng khả năng hỗ trợ đồng bộ hoá của Visual Studio 2008 cho phép tạo ứng dụng phối hợp ngoại tuyến hoặc ngang hàng. Microsoft tuyên bố Sync Framework là nền tảng để đưa dịch vụ web và cơ sở dữ liệu từ trên mạng xuống dưới PC, hỗ trợ đồng bộ hoá ngang hàng bất kỳ loại tệp tin nào theo bất kỳ thủ truyền tải, loại dữ liệu hoặc hình thức lưu trữ nào.

Tóm lại Visual Studio 2008 ra mắt những ưu điểm chính cho các chuyên gia phát triển phần mềm thể hiện trong 3 lĩnh vực chính:

- \* Cải thiện khả năng sản xuất
- \* Quản lý chu trình phát triển ứng dụng
- \* Triển khai các công nghệ mới nhất

Những đặc điểm này ta có thể thấy rõ đã tạo ra một bước tiến lớn.

Về cải thiện khả năng sản xuất : Với mỗi phiên bản, Microsoft luôn cố gắng cải thiện Visual Studio để sao cho bạn luôn đạt được hiệu suất làm việc ngày càng cao hơn. Chính vì vậy mà Visual Studio 2008 đã đi sâu vào giải quyết những vấn đề phức tạp của công việc phát triển phần mềm:

Thứ nhất là vấn đề Truy xuất dữ liệu: Có thể nói những thay đổi về truy xuất dữ liệu trong Visual Studio 2008 là một cuộc cách mạng. Ở phiên bản này Microsoft giới thiệu LINQ (Language Integrated Query – Ngôn ngữ truy vấn tích hợp) giúp nhà phát triển có thể tương tác với dữ liệu dựa trên một mô hình hoàn toàn mới với rất nhiều hỗ trợ cho hai ngôn ngữ C# và Visual Basic. Xử lý dữ liệu luôn là trở ngại chính mà các nhà phát triển thường phải đối mặt, đặc biệt là quá trình làm việc với những dữ liệu mang tính trao đổi cao như XML (eXtensible Markup Language - Ngôn ngữ đánh dấu mở rộng). Nhưng với LINQ, mọi thứ dường như được giải tỏa, bởi như tên gọi của nó, LINQ được tích hợp vào ngay bản thân ngôn ngữ lập trình.

Với sự hỗ trợ sâu về việc kết hợp ngôn ngữ truy vấn tích hợp .NET (LINQ to SQL) bên trong các ứng dụng Web ASP.NET, Visual Studio tạo lên sự sáng tạo dữ liệu cho các website, làm cho chúng trở nên năng suất hơn và cũng hiệu quả hơn. Các chuyên gia có thể sử dụng các ngữ nghĩa lập trình quen thuộc để truy cập vào tất cả các nguồn dữ liệu trong theo cách hợp nhất.

Thứ hai là Thiết kế giao diện nhanh, hiệu quả: Với Visual Studio 2008, chỉ với một IDE duy nhất, chúng ta có thể làm việc được với tất cả các phiên bản của .Net Framework từ phiên bản mới nhất 3.5 đến phiên cũ hơn 3.0 hay thậm chí là 2.0. Đặc biệt Windows Form designer của Visual Studio 2008 được tích hợp chặt chẽ với WPF (Windows Presentation Foundation), giúp nhà phát triển có được một giao diện thật bắt mắt nhưng lại chẳng tốn nhiều thời gian, công sức.

Thứ ba là Tạo các ứng dụng Microsoft Office hiệu quả: Tích hợp chặt chẽ với Microsoft Office thông qua bộ công cụ Visual Studio Tools for Office (VSTO), hiện được tích hợp đầy đủ bên trong Visual Studio 2008 Professional Edition. Các chuyên gia phát triển phần mềm có thể nhắm một cách dễ dàng đến hơn 500 triệu người dùng Microsoft Office khi đang dùng các kỹ năng mã được chế ngự như nhau mà họ đã phát triển cho việc viết các ứng dụng Microsoft Windows hoặc các ứng dụng ASP.NET. Visual Studio cho phép các chuyên gia phát triển phần mềm có thể tùy chỉnh Word,

Excel, PowerPoint, Outlook, Visio, InfoPath, và Project để cải thiện năng suất người dùng và tận dụng nhiều cải thiện trong hệ thống Office 2007 của Microsoft.

Các chuyên gia phát triển phần mềm có thể sử dụng các công cụ trong Visual Studio để tạo tùy chọn mã được quản lý mức tài liệu và mức ứng dụng đằng sau các ứng dụng của hệ thống Office 2007 nhanh chóng và dễ dàng. Thiết kế viên ảo đính kèm của Visual Studio cho các tính năng giao diện người dùng chính của Office 2007 cung cấp cho chuyên gia phát triển phần mềm những kinh nghiệm phát triển RAD và cho phép họ phân phối các ứng dụng có giao diện dựa trên Office chất lượng cao.

Thứ tư là Xây dựng các ứng dụng Windows Vista hiệu quả: Visual Studio cung cấp công cụ cho phép các chuyên gia xây dựng ứng dụng giàu kinh nghiệm nhanh chóng và dễ dàng. Các công cụ này gồm có một bộ thiết kế và bộ soạn thảo XAML, các mẫu dự án và hỗ trợ gỡ rối, hỗ trợ triển khai,...

Không chỉ là hỗ trợ về mảng thiết kế giao diện trực quan thông qua Windows Form Designer, Visual Studio 2008 còn hỗ trợ nhà phát triển can thiệp sâu vào XAML để xây dựng giao diện cho các ứng dụng dựa trên nền WPF. Ngoài ra, theo Microsoft thì Visual Studio 2008 hỗ trợ tới trên 8000 API (Application Programming Interface) dành riêng cho Vista. Thậm chí Visual Studio 2008 còn hỗ trợ cả WF (Windows Workflow Foundation) giúp nhà phát triển dễ dàng hơn khi triển khai ứng dụng, có thể không cần viết một dòng mã nào.

Về Quản lý chu trình phát triển ứng dụng ta có thể thấy những ưu điểm sau trong Visual Studio 2008:

Bằng việc hỗ trợ các định dạng chung (như XML) và cho phép nhân viên thiết kế kiểm soát trực tiếp hơn với layout, các control và sự ràng buộc dữ liệu của giao diện ứng dụng người dùng (UI), Visual Studio làm cho các thiết kế viên hòa nhập vào quá trình phát triển dễ dàng hơn. Thiết kế viên có thể sử dụng các công cụ thân thiện như Microsoft® Expression® Suite để tạo các giao diện người dùng và file thủ tục để các chuyên gia phát triển phần mềm có thể làm việc trực tiếp trong Visual Studio. Visual Studio hỗ trợ đầy đủ sự cộng tác luồng công việc, cho phép các thiết kế viên và chuyên gia phát triển phần mềm quản lý được công việc trước/sau và công việc song song. Ngoài ra các thiết kế viên và chuyên gia phát triển phần mềm cũng có thể xây dựng các

thư viện thành phần, định dạng và các thiết kế giao diện người dùng chung để dễ dàng quản lý và sử dụng lại.

Sự triển khai ClickOnce trong Visual Studio 2005 đã cung cấp cho Web như triển khai cho các máy khách thông minh. Người dùng có thể vào một URL và kích vào một liên kết để có thể cài đặt ứng dụng máy khách thông minh trên máy tính của họ. Các chuyên gia CNTT có thể triển khai các phiên bản mới của ứng dụng chỉ cần đơn giản bằng cách sao chép ứng dụng mới vào URL. Trong Visual Studio 2008, ClickOnce hiện còn hỗ trợ cho cả trình duyệt Firefox® và cung cấp việc ký độc lập location và gán nhãn khách hàng. Thêm vào đó, ClickOnce hiện còn hỗ trợ triển khai thông qua các máy chủ proxy được thẩm định và cho phép các chuyên gia phát triển phần mềm phân phối được ứng dụng của họ đến nhiều công ty từ một vị trí trung tâm.

Microsoft Synchronization Services cho ADO.NET cung cấp một giao diện lập trình ứng dụng (API) giúp đồng bộ hóa dữ liệu giữa các dịch vụ dữ liệu và kho dữ liệu cục bộ. Synchronization Services API được mô hình hóa sau khi các giao diện lập trình ứng dụng truy cập dữ liệu ADO.NET và cho bạn một cách trực giác để đồng bộ dữ liệu. Nó làm cho việc xây dựng các ứng dụng trong môi trường kết nối không thường xuyên được mở rộng về mặt logic, nơi có thể phụ thuộc vào sự nối mạng nhất quán.

Về Triển khai các công nghệ mới nhất thể hiện ở những điểm sau:

Cho phép chuyên gia phát triển phần mềm Web lập trình các giao diện Web tương tác người dùng “AJAX-style”: Visual Studio cung cấp cho các chuyên gia phát triển tất cả công cụ và sự hỗ trợ framework cần thiết để tạo các ứng dụng Web hấp dẫn, nhiều ý nghĩa và cho phép AJAX. Các chuyên gia phát triển có thể lợi dụng sự phong phú trình khách, trình chủ, các khung làm việc để xây dựng lên các ứng dụng Web tập trung nhiều về phía trình khách mà vẫn tích hợp với bất kỳ nhà cung cấp dữ liệu backend, hoạt động với bất kỳ trình duyệt nào và có toàn bộ sự truy cập vào các dịch vụ ứng dụng ASP.NET và nền tảng Microsoft.

Thiết kế và thi hành dịch vụ Web:

Như khái niệm về dịch vụ Web có liên quan rút ra, Visual Studio sẽ cho phép các chuyên gia phát triển cấu hình các điểm cuối dịch vụ, sử dụng cùng các công cụ và mã mà không cần quan tâm đến giao thức (HTTP, TCP/IP) gì được sử dụng, để truyền

đi các thông báo và kiểm tra dịch vụ không mã. Các chuyên gia và đối tác có thể mở rộng các giao thức cơ sở để quản lý bất cứ sự định nghĩa nào cho dịch vụ Web.

Để dàng sử dụng các dịch vụ Windows Communication Foundation (WCF):

Các chuyên gia có thể sử dụng các công cụ RAD để tạo nhanh chóng và dễ dàng kết nối máy khách và proxy đến các dịch vụ đang tồn tạo, kiểm tra chúng mà không cần phải viết mã. Thêm vào đó, các chuyên gia phát triển phần mềm có thể sử dụng cùng công nghệ và công cụ cho các dịch vụ WCF dù chúng có được đặt ở đâu đi nữa.

Thực thi dịch vụ được tích hợp với thiết kế luồng công việc: Visual Studio cho phép chuyên gia phát triển phần mềm soạn lại hành vi trong toàn bộ các dịch vụ với Windows Workflow Foundation (WF) để hình dung, tạo, soạn thảo và gỡ rối các nhiệm vụ luồng công việc và các thành phần phụ thuộc.

## 1.2. Giới thiệu ASP.NET

Trong nhiều năm qua, ASP đã được cho rằng đó thực sự là một lựa chọn hàng đầu cho *web developers* trong việc xây dựng những web sites trên nền máy chủ web Windows bởi nó vừa linh hoạt mà lại đầy sức mạnh. Đầu năm 2002, Microsoft đã cho ra đời một công nghệ mới đó chính là ASP.NET. Đây thực sự là một bước nhảy vượt bậc của ASP cả về phương diện tinh tế lẫn hiệu quả cho các *developers*. Nó tiếp tục cung cấp khả năng linh động về mặt hỗ trợ ngôn ngữ, nhưng hơn hẳn về mặt lĩnh vực ngôn ngữ *script* vốn đã trở nên hoàn thiện và trở thành ngôn ngữ cơ bản của các *developers*. Việc phát triển trong ASP.NET không chỉ yêu cầu hiểu biết về HTML và thiết kế web mà còn khả năng nắm bắt những khái niệm của lập trình và phát triển hướng đối tượng.

***ASP.NET là một kỹ thuật phía server (server-side) dành cho việc thiết kế các ứng dụng web trên môi trường .NET.***

ASP.NET là một kỹ thuật *server-side*. Hầu hết những *web designers* bắt đầu sự nghiệp của họ bằng việc học các kỹ thuật *client-side* như *HTML*, *JavaScript* và *Cascading Style Sheets (CSS)*. Khi một trình duyệt web yêu cầu một trang web được tạo ra bởi các kỹ thuật *client-side*, *web server* đơn giản lấy các *files* mà được yêu cầu và gửi chúng xuống. Phía client chịu trách nhiệm hoàn toàn trong việc đọc các định dạng trong các files này và biên dịch chúng và xuất ra màn hình.

Với kỹ thuật *server-side* như ASP.NET thì hoàn toàn khác, thay vì việc biên dịch từ phía *client*, các đoạn mã *server-side* sẽ được biên dịch bởi *web server*. Trong trường hợp này, các đoạn mã sẽ được đọc bởi *server* và dùng để phát sinh ra HTML, *JavaScript* và *CSS* để gửi cho trình duyệt. Chính vì việc xử lý mã xảy ra trên *server* nên nó được gọi là kỹ thuật *server-side*.

ASP là một kỹ thuật dành cho việc phát triển các ứng dụng web. Một ứng dụng web đơn giản chỉ các trang web động. Các ứng dụng thường được lưu trữ thông tin trong *database* và cho phép khách truy cập có thể truy xuất và thay đổi thông tin. Nhiều kỹ thuật và ngôn ngữ lập trình khác cũng đã được phát triển để tạo ra các ứng dụng web như *PHP*, *JSP*, *Ruby on Rails*, *CGI* và *ColdFusion*. Tuy nhiên thay vì trói buộc bạn vào một ngôn ngữ và một công nghệ nhất định, ASP.NET cho phép bạn viết ứng dụng web bằng các loại ngôn ngữ lập trình quen thuộc khác nhau.

ASP.NET sử dụng *.NET Framework*, *.NET Framework* là sự tổng hợp tất cả các kỹ thuật cần thiết cho việc xây dựng một ứng dụng nền *desktop*, ứng dụng *web*, *web services*.... thành một gói duy nhất nhằm tạo ra cho chúng khả năng giao tiếp với hơn 40 ngôn ngữ lập trình.

Có rất nhiều kỹ thuật *server-side* với điểm mạnh và điểm yếu riêng nhưng ASP.NET có những tính năng gần như là duy nhất.

- ASP cho phép sử dụng ngôn ngữ lập trình mà bạn ưa thích hoặc gần gũi với chúng. Hiện tại, thì *.NET Framework* hỗ trợ trên 40 ngôn ngữ lập trình khác nhau mà đa phần đều có thể được sử dụng để xây dựng nên những web sites ASP.NET. Chẳng hạn như C# (C sharp) và Visual Basic.

- Nhưng trang ASP.NET được **Compiled** chứ không phải là **Interpreted**. Khác với các trang ASP được *Interpreted*, điều này có nghĩa là mỗi lần người dùng yêu cầu một trang, máy chủ sẽ đọc các đoạn mã vào bộ nhớ, xử lý cách thức thực thi các đoạn mã và thực thi chúng. Đối với ASP.NET, máy chủ chỉ cần xử lý cách thức thực thi một lần duy nhất. Đoạn mã sẽ được *Compiled* thành các files mã nhị phân cái mà được thực thi rất nhanh mà không cần phải đọc lại. Chính điều này tạo ra bước tiến nhảy vọt về hiệu suất so với ASP.

- ASP đã cả khả năng toàn quyền truy xuất tới các chức năng của .NET Framework. Hỗ trợ XML, web services, giao tiếp với CSDL, email... và rất nhiều các kỹ thuật khác được tích hợp vào .NET, giúp bạn tiết kiệm được công sức.
- ASP cho phép bạn phân chia các đoạn mã server-side và HTML. Khi bạn phải làm việc với cả đội ngũ lập trình và thiết kế, sự tách biệt này cho phép các lập trình viên chỉnh sửa server-side code mà không cần dính dáng gì tới đội ngũ thiết kế.
- ASP giúp cho việc tái sử dụng những yếu tố giao diện người dùng trong nhiều web form vì nó cho phép chúng ta lưu các thành phần này một cách độc lập.
- Bạn có được một công cụ tuyệt vời hỗ trợ phát triển các ứng dụng ASP.NET hoàn toàn miễn phí, đó là Visual Web Developer, một trình soạn thảo trực quan mạnh mẽ có tính năng *Code Autocompletion*, *Code Format*, *Database Integration Functionality*, *Visual HTML editor*, *Debugging*...

### 1.3. Giới thiệu SQL Server 2005

SQL Server 2005 là một hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu (Relational Database Management System (RDMS)) sử dụng Transact – SQL để trao đổi dữ liệu giữa các Client computer và SQL Server computer. Một RDBMS bao gồm database, database engine và các ứng dụng dùng để quản lý dữ liệu và các bộ phận khác nhau trong RDBMS.

SQL Server 2005 được tối ưu để có thể chạy trên môi trường cơ sở dữ liệu rất lớn (Very Large Database Environment) lên đến Tera – Byte và có thể phục vụ cùng lúc cho hàng ngàn user. SQL Server 2005 có thể kết hợp “ăn ý” với các server khác như Microsoft Internet Information Server (IIS), E – Commerce Server, Proxy Server...

Các phiên bản của SQL Server 2005:

- Enterprise: Hỗ trợ không giới hạn số lượng CPU và kích thước Database. Hỗ trợ không giới hạn RAM (nhưng tùy thuộc vào kích thước RAM tối đa mà HĐH hỗ trợ) và các hệ thống 64 bit.
- Standard: tương tự như bản Enterprise nhưng chỉ hỗ trợ 4 CPU. Ngoài ra phiên bản này cũng không được trang bị một số tính năng cao cấp khác.



- Workgroup: Tương tự như bản Standard nhưng chỉ hỗ trợ 2 CPU và tối đa 3GB RAM.
- Express: Bản miễn phí, hỗ trợ tối đa 1 CPU, 1GB RAM và kích thước Database giới hạn trong 4GB.

SQL Server 2005 bao gồm nhiều tính năng hấp dẫn để phát triển web nó sử dụng nâng cao truy vấn tối ưu hóa công cụ của SQL Server 2005 cho hiệu quả nhanh. Toàn văn bản tìm kiếm là bao gồm cung cấp khả năng truy vấn mạnh mẽ hơn văn bản dữ liệu. Ngoài ra, cơ sở dữ liệu có thể dễ dàng nạp vào một tổ chức môi trường thông qua XCOPY tính năng. XML hỗ trợ bên trong cơ sở dữ liệu đảm bảo môi trường web của bạn có thể dễ dàng tương thích với các ứng dụng khác thông qua các dịch vụ web.

Tạo báo cáo nhanh hơn các ứng dụng báo cáo thường là một quá trình công kềnh. SQL Server 2005 đơn giản hóa quá trình này với SQL Server 2005 Reporting Services, hoàn toàn dựa trên máy chủ nền tảng để tạo, quản lý, và phân phối truyền thống và tương tác báo cáo. Các nhà phát triển có thể dễ dàng tạo báo cáo tinh vi với các bảng, biểu đồ, và đồ họa, và sau đó nhúng chúng vào các ứng dụng. Đơn giản hóa việc triển khai và dịch vụ. Hỗ trợ và duy trì phần mềm là chi phí rất lớn cho các nhà phát triển phần mềm ứng dụng nhúng vào cơ sở dữ liệu giúp giảm chi phí này bằng cách cung cấp điều chỉnh tự động và quản lý, tự động sửa lỗi và phục vụ, và hỗ trợ nhúng thiết lập và cài đặt. SQL Server được thiết kế đặc biệt với những mục tiêu này trong tâm trí.

Sử dụng cơ sở dữ liệu SQL Server 2005, SQL Server Express có thể được cấu hình để tự động điều chỉnh các thông số cơ sở dữ liệu để đáp ứng với thay đổi sử dụng các đặc tính. Ngoài ra, phần mềm phát triển không cần phải lo lắng về trực tiếp triển khai cơ sở dữ liệu SQL Server cập nhật vì Express sử dụng Microsoft Update để trực tiếp cung cấp cập nhật cho người dùng cuối. Đối với người dùng doanh nghiệp, SQL Server Express dễ dàng vào cho doanh nghiệp quản lý, môi trường SQL Server Express cũng cung cấp hỗ trợ cho cả hai cài đặt hoặc thiết lập dựa trên giao diện và cài đặt. Điều này cho phép các nhà phát triển phần mềm kiểm soát cuối cùng và tính linh hoạt trong việc cài đặt và thiết lập của nhúng vào cơ sở dữ liệu.

## Chương II. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG

### 2.1. Mô tả nghiệp của bài toán đặt ra

#### 2.1.1. Tổng quan về bán hàng đa cấp

*Bán hàng đa cấp* (tên gọi thông dụng tại Việt Nam) là thuật ngữ chung dùng để chỉ một phương thức tiếp thị sản phẩm. Đây là hoạt động kinh doanh bán hàng trực tiếp đến tay người tiêu dùng, người tiêu dùng có thể trực tiếp đến mua hàng tại công ty mà không phải qua các đại lý hay cửa hàng bán lẻ. Nhờ vậy, hình thức này còn tiết kiệm rất nhiều chi phí từ việc quảng cáo, khuyến mại, tiền sân bãi, kho chứa, vận chuyển hàng hóa. Số tiền này được dùng để trả thưởng cho nhà phân phối và nâng cấp, cải tiến sản phẩm tiếp tục phục vụ người tiêu dùng. Đây là phương thức kinh doanh tận dụng chính thói quen của người tiêu dùng: khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ tốt thường đem chia sẻ cho người thân, bạn bè và những người xung quanh. Kinh doanh đa cấp gây ra nhiều tranh cãi trong xã hội, và thường được quy kết với hình tháp ảo.

Nhà phân phối có vai trò như những đại lý. Họ dùng những kết quả sử dụng của bản thân và những người quen biết để thu hút khách hàng. Qua việc làm đó họ đem về lượng khách hàng cho công ty và bản thân họ. Ngoài ra họ còn có thể tìm kiếm những đối tác khác để có thể trở thành nhà phân phối cùng làm việc với mình, việc này được quản lý bằng mã số. Khi đó, mã số của một **nhà phân phối** mới được kết nối với mã số của **Người bảo trợ** (Sponsor - Sps).

Trong "Nghị định về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp" do Chính phủ Việt nam ban hành, tại Điều 2 đã định nghĩa: "*Bán hàng đa cấp là một phương thức tổ chức kinh doanh của doanh nghiệp thông qua nhiều cấp khác nhau, trong đó người tham gia sẽ được hưởng tiền hoa hồng, tiền thưởng và/hoặc lợi ích kinh tế khác từ kết quả bán hàng hóa của mình và của người khác trong mạng lưới do người đó tổ chức ra và được doanh nghiệp bán hàng đa cấp chấp thuận".*

#### 2.1.2. Mô tả bài toán

Một công ty bán hàng đa cấp kinh doanh sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng chức năng. Khi khách hàng muốn mua sản phẩm của công ty thì có 2 trường hợp:

- Mua trực tiếp tại địa điểm phân phối của công ty thì phải đăng ký làm **nhà phân phối** của công ty. Và lúc này cấp độ của người này là cấp 0.

- Mua qua **nhà phân phối** của công ty. Và nếu như muốn thành **nhà phân phối** của công ty thì người này phải cung cấp đầy đủ các thông tin và phải có thông tin người giới thiệu.

Khi đăng ký để trở thành **nhà phân phối** của công ty người này sẽ được **nhân viên** của công ty cấp cho 1 form đăng ký. Sau khi điền đủ các thông tin thì người này chuyển lại cho nhân viên.

Cấp độ của **nhà phân phối** sẽ được tính theo điểm tích lũy: Cứ đạt 20 **điểm tích lũy** thì sẽ được tăng 1 **cấp độ**.

Kế hoạch trả thưởng, kế hoạch tiếp thị, phụ thuộc vào sơ đồ kinh doanh, nó quy định cơ chế trả tiền cho nhà phân phối, cho biết NPP nhận được hoa hồng là bao nhiêu trên doanh số bán hàng cá nhân (hoa hồng cá nhân) và được nhận những mức hoa hồng là bao nhiêu trên doanh số bán hàng của các tầng trong mạng lưới của NPP (hoa hồng khối lượng). Nó cũng quy định những chỉ tiêu là điều kiện đủ để NPP được thăng cấp và/ hoặc để nhận được các phần thưởng có giá trị, nó cũng quy định chỉ tiêu mà nếu NPP không đạt thì không được nhận hoa hồng khối lượng.(Xem phụ lục)

Một **nhà phân phối** bán được sản phẩm đạt 1 triệu sẽ được cộng 1 **điểm tích lũy**.

Một **nhà phân phối** giới thiệu được 1 người vào hệ thống của mình sẽ được cộng 5 **điểm tích lũy**.

Một **nhà phân phối** sẽ được hưởng hoa hồng trên giá trị sản phẩm của bản thân bán được như sau: **hoa hồng = cấp độ x 1% x giá trị sản phẩm**.

Một **nhà phân phối** sẽ được hoa hồng trên hoa hồng của người cấp dưới như sau:

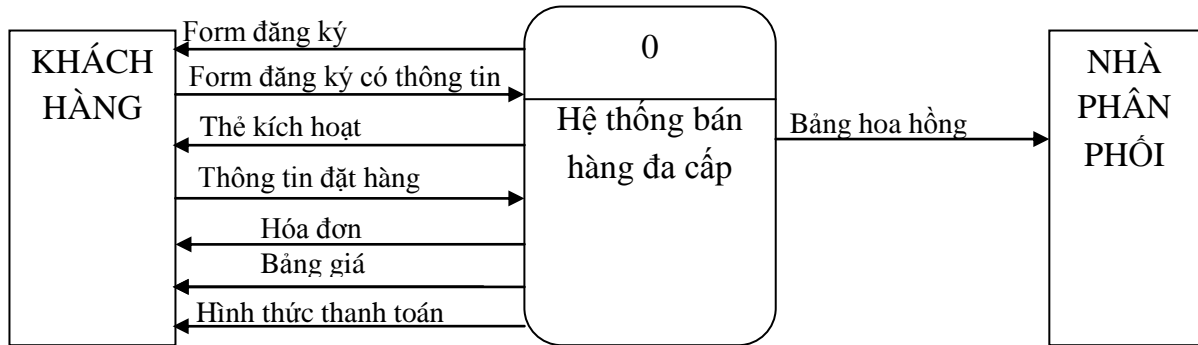
**Hoa hồng = hoa hồng người cấp dưới x 10%.**

Sau mỗi lần mua hàng hoa hồng sẽ được tự động chuyển về tài khoản của **nhà phân phối** và kết thúc lần mua hàng.

### 2.1.3. Mô tả mô hình nghiệp vụ

#### 2.1.3.1. Biểu đồ ngữ cảnh hệ thống

##### a. Biểu đồ ngữ cảnh



Hình 2.1. Biểu đồ ngữ cảnh của hệ thống

##### b. Mô tả tương tác

Khách hàng:

*Đăng ký* : Đăng ký các thông tin cá nhân có tính xác thực vào form đăng ký gửi cho nhân viên của công ty, nhân viên công ty kiểm tra tờ form đăng ký. Nếu đúng thì chuyển cho lãnh đạo ký duyệt để khách hàng chính thức là **nhà phân phối** của công ty, nếu sai thì gửi tờ form lại cho khách hàng.

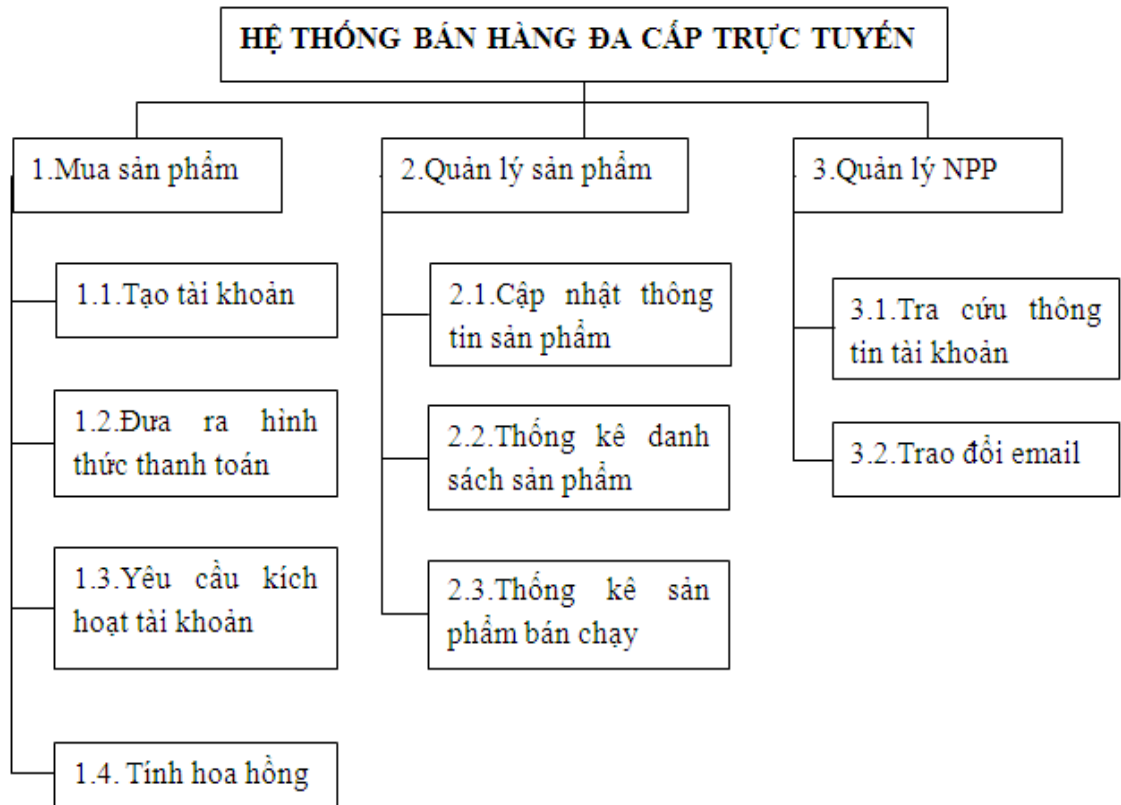
Nhà phân phối:

*Mua hàng*: **Nhà phân phối** mua sản phẩm nào thì công ty gửi sản phẩm cùng thẻ mã xác nhận thanh toán. Khi nhà phân phối nhận được sản phẩm thì sẽ xác nhận thanh toán bằng thẻ để được tính điểm tích lũy, thăng cấp và tính hoa hồng.

*Tính hoa hồng* : Sau khi bản thân mua sản phẩm hoặc **nhà phân phối** cấp dưới mua sản phẩm thì sẽ tính hoa hồng được hưởng trên giá trị của sản phẩm đó dựa vào bảng hoa hồng.

### 2.1.3.2. Biểu đồ phân rã chức năng

#### a. Sơ đồ phân cấp chức năng



Hình 2.2. Biểu đồ phân rã chức năng nghiệp vụ

#### b. Mô tả chi tiết các chức năng sơ cấp

*1.1. Tạo tài khoản:* Khi khách muốn mua sản phẩm thì phải đăng ký tài khoản để mua sản phẩm và thanh toán.

*1.2. Đưa ra hình thức thanh toán:* Sau khi khách hàng mua sản phẩm hệ thống sẽ đưa ra hình thức thanh toán.

*1.3. Kích hoạt tài khoản:* Sau khi khách hàng tạo tài khoản và chọn hình thức thanh toán thì sản phẩm sẽ được gửi đến cho khách hàng, kèm theo đó là mã thẻ kích hoạt tài khoản. Sau khi được nhận thẻ, khách hàng sẽ nhập mã để kích hoạt tài khoản.

*1.4. Tính hoa hồng:* Sau khi khách hàng mua sản phẩm hoặc nhà phân phối cấp dưới bán sản phẩm thì sẽ nhà phân phối sẽ được tính hoa hồng được hưởng theo bảng thanh toán hoa hồng.

*2.1. Cập nhật thông tin sản phẩm:* Hệ thống sẽ tự cập nhật thông tin sản phẩm.

*2.2. Thống kê danh sách sản phẩm:* Khi khách có yêu cầu, hệ thống sẽ thống kê danh sách thông tin các sản phẩm.

*2.3. Thống kê sản phẩm bán chạy:* Hệ thống sẽ tự động cập nhật danh sách sản phẩm bán chạy.

*3.1. Tra cứu thông tin tài khoản:* Tra cứu thông tin về NPP

*3.2. Trao đổi email:* Hệ thống sẽ gửi email thông báo đến các email của NPP khi có sự kiện (có sản phẩm mới, đợt khuyến mãi...)

### **2.1.3.3. Danh sách các hồ sơ dữ liệu sử dụng**

a. Form đăng ký tài khoản

<p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>  <b>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</b></p> <p>-----</p> <p><b>HỢP ĐỒNG TIẾP THỊ VÀ PHÂN PHỐI SẢN PHẨM</b>  <b>Mã số FLP (FLP No.): 840-000-</b></p> <p><b>BÊN A hoặc “ATC” (PARTY A or “ATC”):</b>          CÔNG TY TNHH TM LÔ HỘI – (ALOE TRADING COMPANY LIMITED)          199 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, Tp. HCM; Tel: 84-8-39326509, 39485173 Fax:          84-8-9325928, 39485139          E-mail: <a href="mailto:atclohoi@hcm.vnn.vn">atclohoi@hcm.vnn.vn</a></p> <p><b>BÊN B hoặc “NHÀ PHÂN PHỐI” (PARTY B or the “DISTRIBUTOR”):</b>          1. <b>NGƯỜI NỘP ĐƠN – APPLICANT:</b> <i>(Vui lòng viết chữ in hoa – please capitalize)</i>          Họ và tên (Full name): _____ Ngày sinh (Date of birth): _____          Số CMND (ID No): _____ Ngày cấp (Date issued): _____ Nơi cấp          (Place issued): _____          Số Giấy phép lao động – dành cho người không có quốc tịch Việt Nam (Work Permit No. – for non-Vietnamese citizens): _____</p>
--

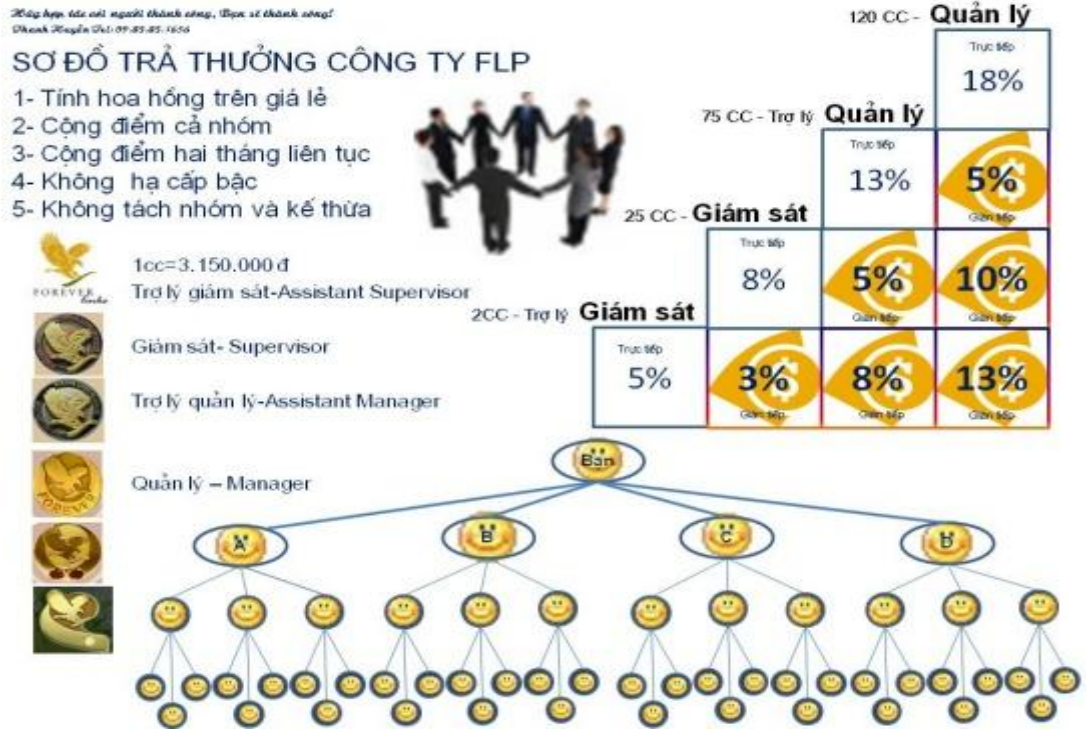
Giới tính (*Sex*):  Nam (*Male*)       Nữ (*Female*)  
 Tình trạng hôn nhân (*Marital status*):  Độc thân (*Single*)  Kết hôn (*Married*)  
 Địa chỉ thường trú (*Resident address*): \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc (*Contact address*): \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_  
 Điện thoại nhà (*Home phone*): \_\_\_\_\_ĐT di động (*Mobile*): \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_  
 E-mail: \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_  
 Tài khoản ngân hàng số (*Bank account No.*): \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_  
 Tên ngân hàng (*Name of bank*): \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

**2. NGƯỜI HÔN PHỐI – SPOUSE** (*Vợ hoặc chồng của Người nộp đơn – Wife or husband of the Applicant*)  
 Họ và tên (*Full name*): \_\_\_\_\_ Ngày sinh (*Date of birth*): \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_  
 Số CMND (*ID No*): \_\_\_\_\_ Nơi cấp (*Place issued*): \_\_\_\_\_ Ngày cấp (*Date issued*): \_\_\_\_\_

**NGƯỜI BẢO TRỢ – SPONSOR** (*cho Người nộp đơn – For the Applicant*)  
 Họ và tên (*Full name*): \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_  
 Mã số FLP (*FLP No.*): \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc (*Contact address*): \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_  
 Điện thoại nhà (*Home phone*): \_\_\_\_\_ĐT di động (*Mobile*): \_\_\_\_\_  
 E-mail: \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

Hình 2.3. Form đăng ký tài khoản

b. Bảng hoa hồng



Hình 2.4. Bảng hoa hồng

c. Bảng giá

Tên sản phẩm	Giá lẻ	Giá sỉ	Giá vốn
- Nước uống dinh dưỡng lô hội (chai 1 lít)	432.000đ	303.000đ	7.902đ
- Nước uống dinh dưỡng Forever Freedom (chai 1 lít)	503.000đ	354.000đ	10.351đ
- Dầu cá (lọ 60 viên)	599.000đ	419.000đ	9.161đ
- Viên dinh dưỡng sáp ong (chai 60 viên)	556.000đ	389.000đ	7.729đ
- Viên dinh dưỡng phấn ong	348.000đ	244.000đ	3.628đ
- Kem hồi phục da ban đêm (hộp)	584.000đ	409.000đ	12.421đ
- Bộ làm ốm	1.523.000đ	1.066.000đ	33.123đ
- Bộ thanh xuân	2.391.000đ	1.674.000đ	57.059đ

Hình 2.5. Bảng giá



## d. Bảng thông tin NPP

<b>BẢNG THÔNG TIN NPP</b>								
1. Thông tin NPP								
Mã NPP	Họ tên	Mã người giới thiệu	Mã giới thiệu	Tổng giá trị SP	Số người cấp dưới	Điểm tích lũy	Cấp độ	
2. Bảng hoa hồng								
STT	Mã hóa đơn	Mã người bán	Giá trị	Hoa hồng	Ngày bán			
3. Thành viên cấp dưới								
STT	MÃ NPP	Họ tên	Cấp độ					
4. Sản phẩm đã bán								
STT	Mã hóa đơn	Mã SP	Tên SP	Đơn giá	Số lượng	Tổng tiền	Hoa hồng	Ngày bán

Hình 2.6. Bảng thông tin NPP

## e. Thẻ mã kích hoạt

<b>THẺ KÍCH HOẠT TÀI KHOẢN</b>
Series: XXXXXXXXXXXXX
Mã kích hoạt : XXXXXXXXXXXXXXXX
Xin vui lòng mời bạn vào website đăng nhập tài khoản và nhập mã trên để kích hoạt tài khoản.
Xin cảm ơn!

Hình 2.7. Form đăng ký tài khoản

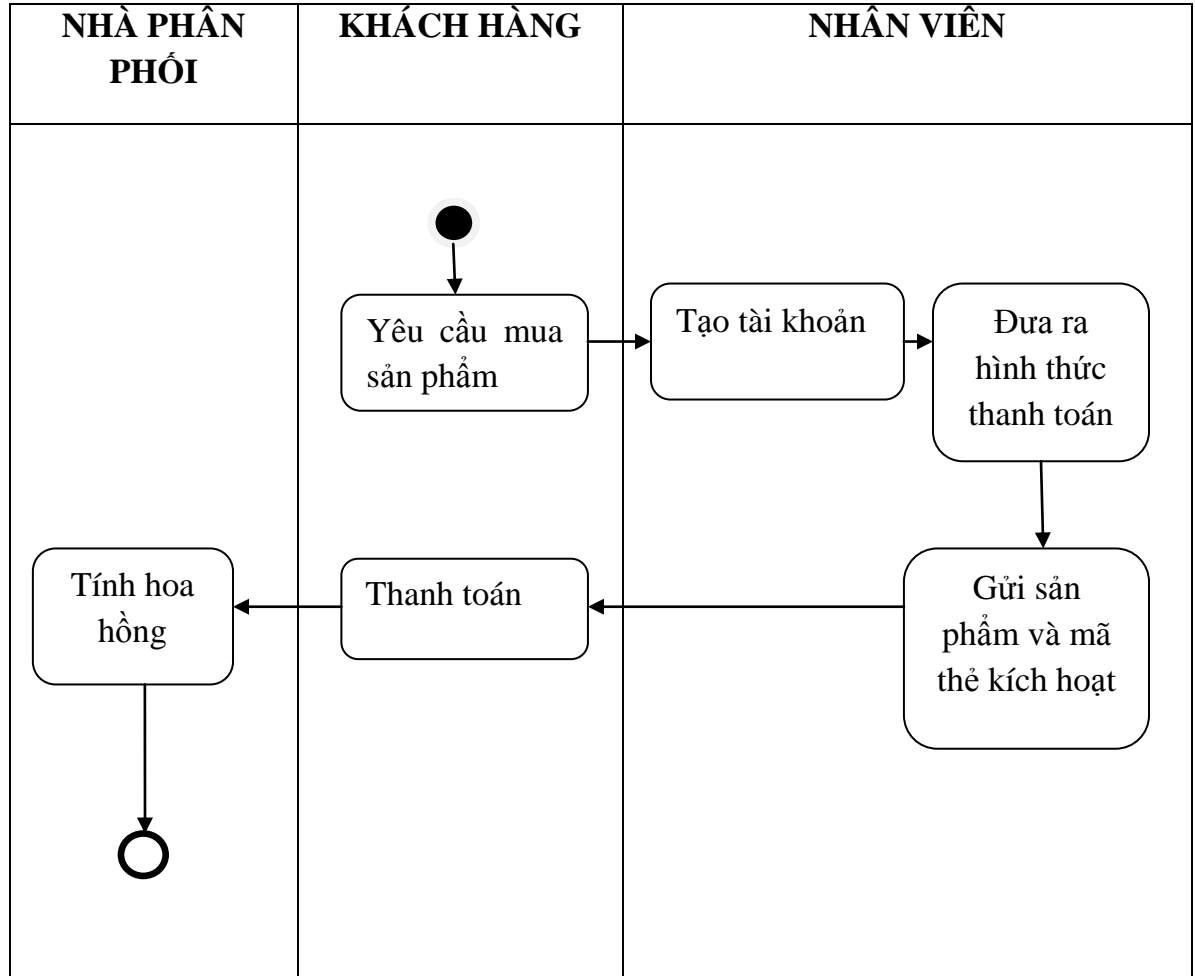
**2.1.3.4. Ma trận thực thể chức năng**

<b>Các thực thể dữ liệu</b>						
a. Form đăng ký tài khoản						
b. Bảng hoa hồng						
c. Bảng giá						
d. Bảng thông tin NPP						
e. Hóa đơn						
f. Thẻ mã kích hoạt						
<b>Các chức năng nghiệp vụ</b>	<b>a</b>	<b>b</b>	<b>c</b>	<b>d</b>	<b>e</b>	<b>f</b>
1. Mua sản phẩm	C	R	R	R	C	C
2. Quản lý sản phẩm			U			
3. Quản lý NPP		R		U		

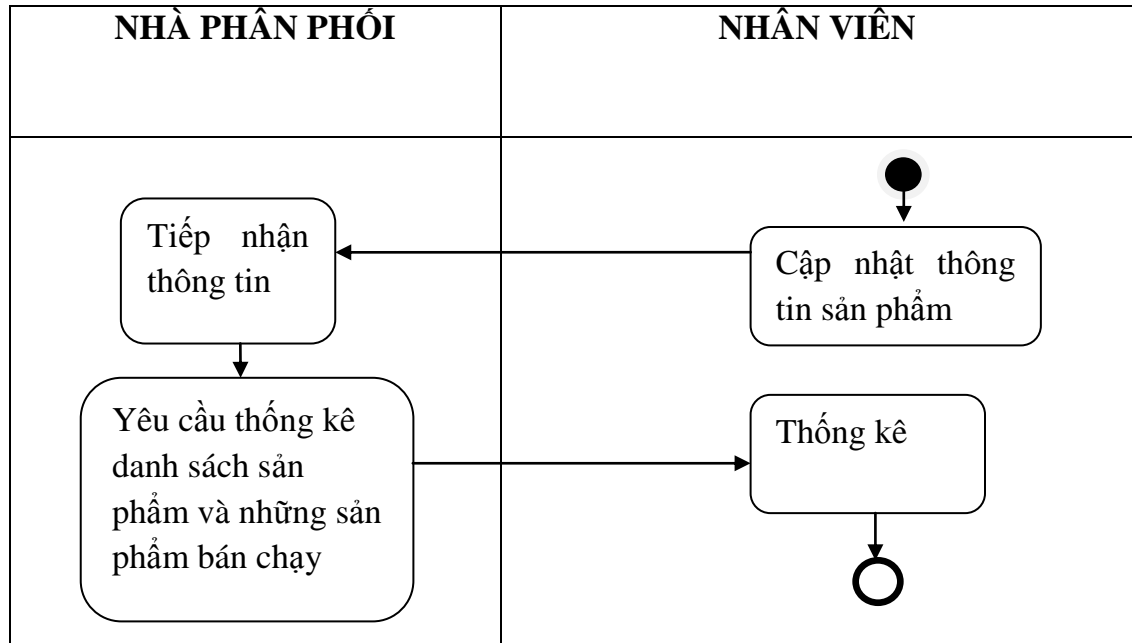
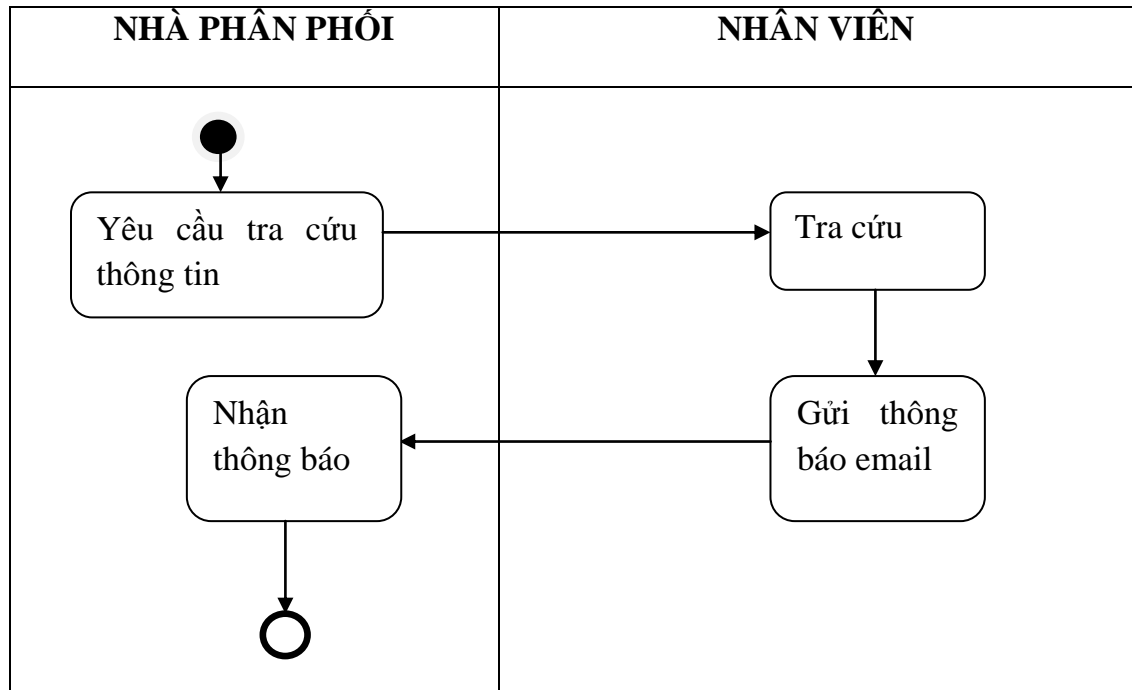
Hình 2.8. Ma trận thực thể chức năng

### 2.1.3.5. Các biểu đồ tiến trình nghiệp vụ phức tạp

#### a. Tiến trình MUA SẢN PHẨM

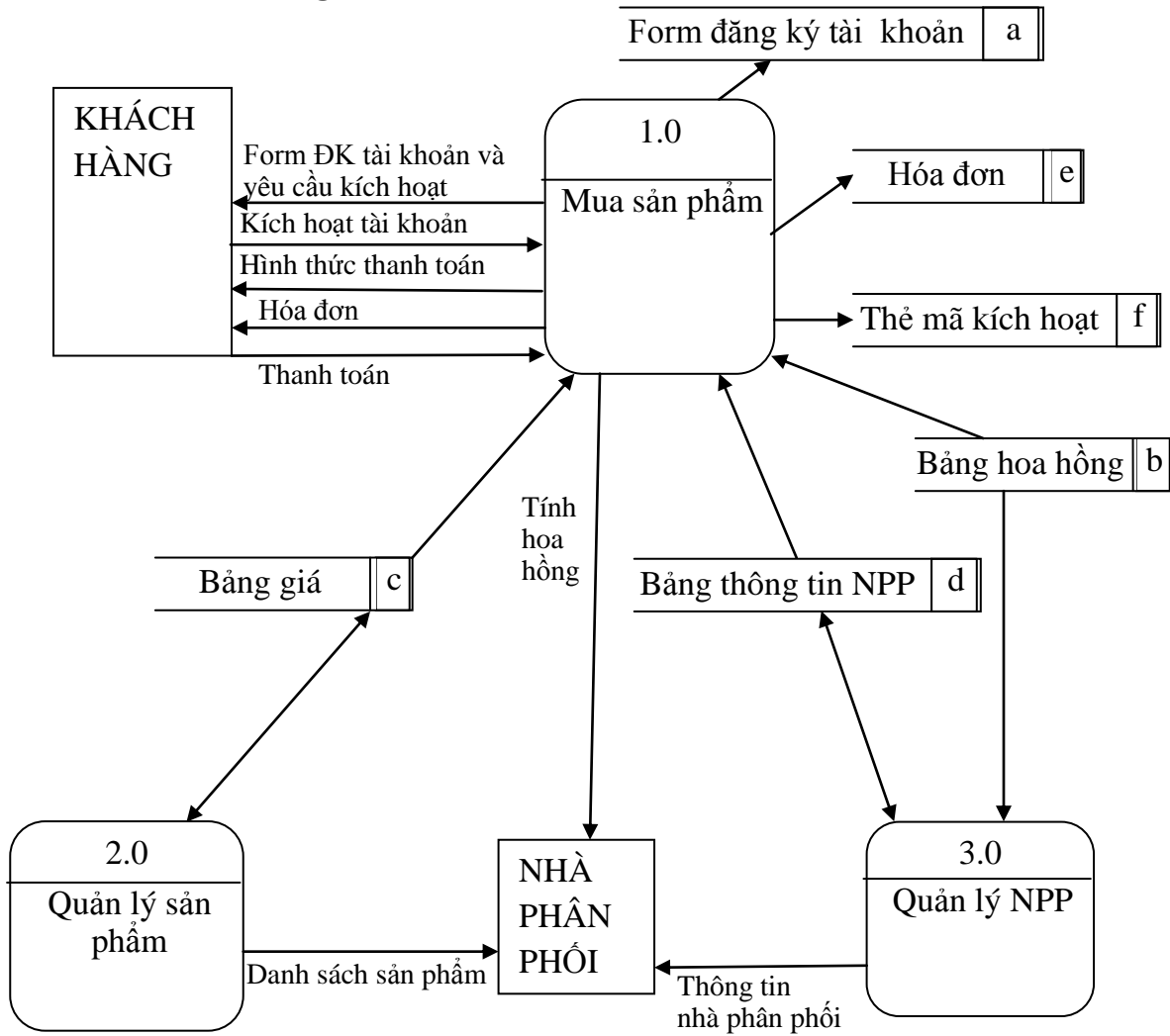


Hình 2.9. Tiến trình MUA SẢN PHẨM

b. Tiến trình **QUẢN LÝ SẢN PHẨM**Hình 2.10. Tiến trình **QUẢN LÝ SẢN PHẨM**c. Tiến trình **QUẢN LÝ NPP**Hình 2.11. Tiến trình **QUẢN LÝ NPP**

## 2.2. Các mô hình xử lý nghiệp vụ

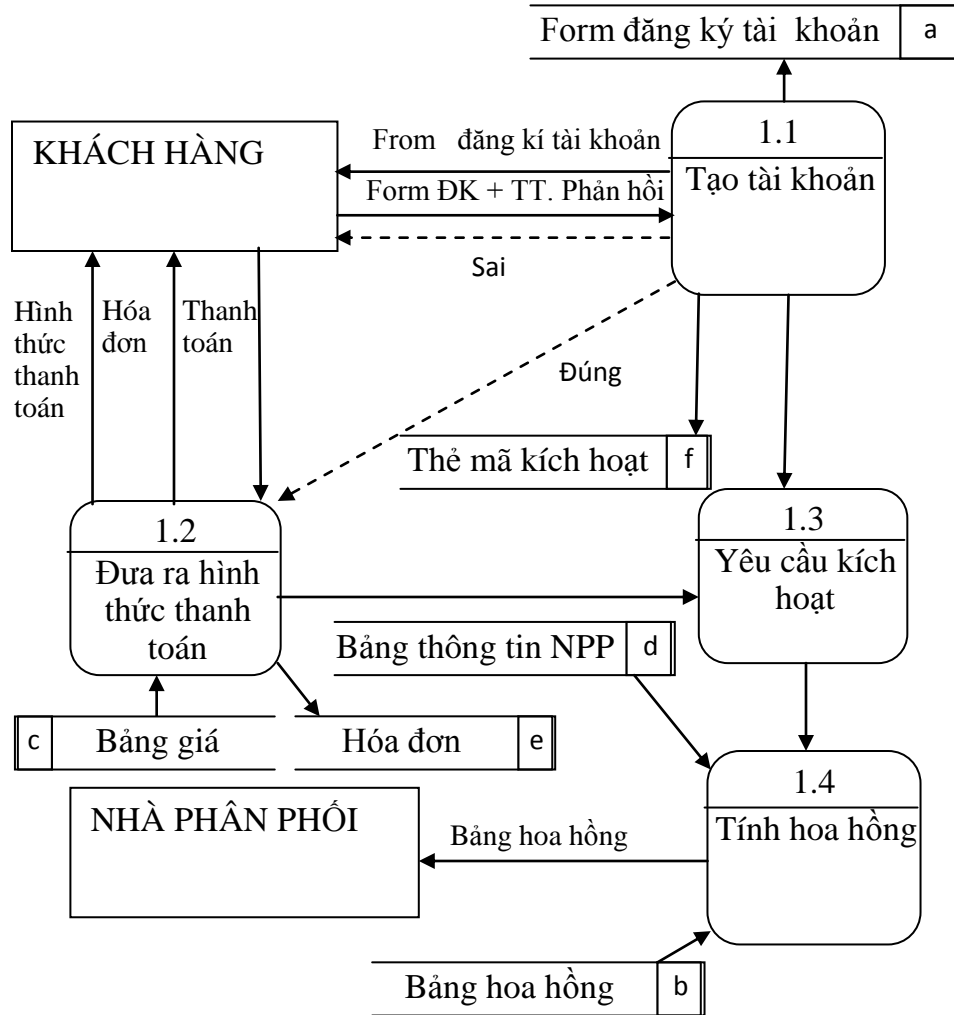
### 2.2.1. Biểu đồ luồng dữ liệu mức 0



Hình 2.12. Biểu đồ luồng dữ liệu mức 0

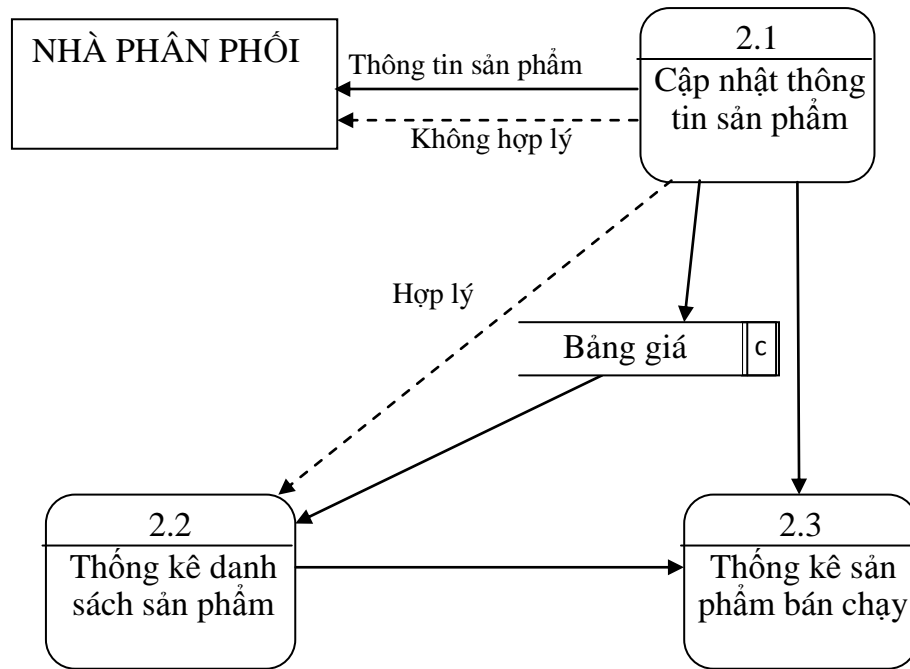
### 2.2.2. Biểu đồ luồng dữ liệu mức 1

#### a. Biểu đồ luồng dữ liệu tiến trình "1.0. Mua sản phẩm."



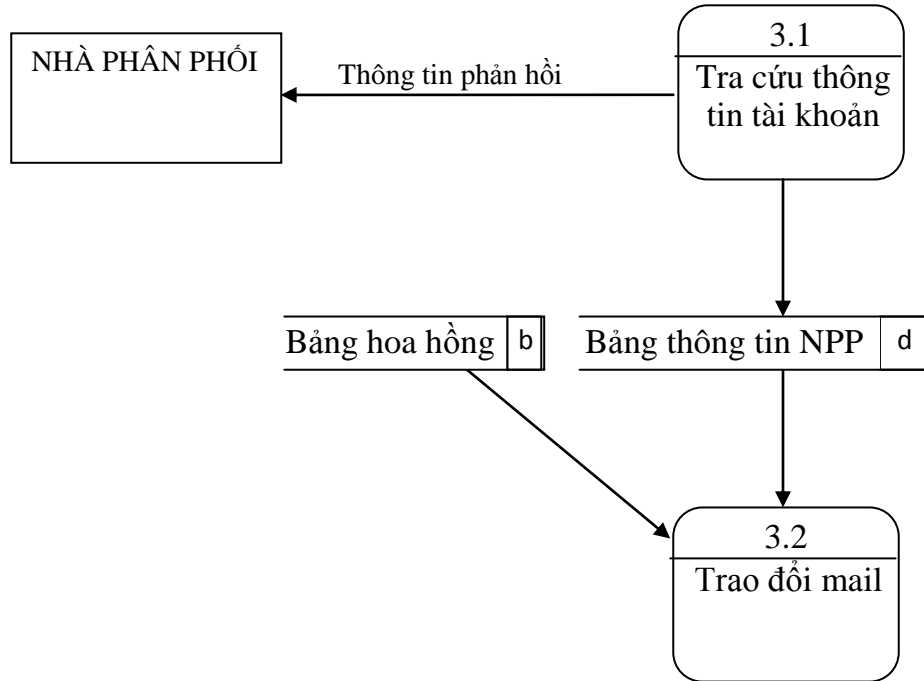
Hình 2.13. Biểu đồ luồng dữ liệu mức 1 *mua sản phẩm*

b. Biểu đồ luồng dữ liệu tiến trình ”2.0. Quản lý sản phẩm.”



Hình 2.14. Biểu đồ luồng dữ liệu mức 1 *Quản lý sản phẩm*

c. Biểu đồ luồng dữ liệu tiến trình ”3.0.Quản lý nhà phân phối.”



Hình 2.15. Biểu đồ luồng dữ liệu mức 1 *Quản lý Nhà phân phối*

## 2.3. Mô hình dữ liệu quan niệm

### 2.3.1. Xác định các thực thể

Từ các hồ sơ ta xác định được các thực thể sau:

KHACHHANG (mãKH, họ tên, ngày sinh, địa chỉ, CMT)

NHAPHANPHOI (mãNPP, họ tên, ngày sinh, địa chỉ, CMT, cấp độ, điểm tích lũy)

TAIKHOAN (tênTK, mật khẩu)

SANPHAM (maSP, tên sản phẩm, loại sản phẩm, số lượng, giá)



### 2.3.2. Xác định mối quan hệ giữa các thực thể

Ta có các động từ nhận được từ các hồ sơ là: mua, tạo, tra cứu

#### a. Động từ MUA

Câu hỏi cho “MUA”	Câu trả lời nhận được từ	
	Thực thể	Thuộc tính
Ai mua?	KHÁCH HÀNG	
Mua gì?	SẢN PHẨM	
khi nào?		Ngày mua
Mua bao nhiêu?		Số lượng
Mua hết bao nhiêu?		Tổng tiền

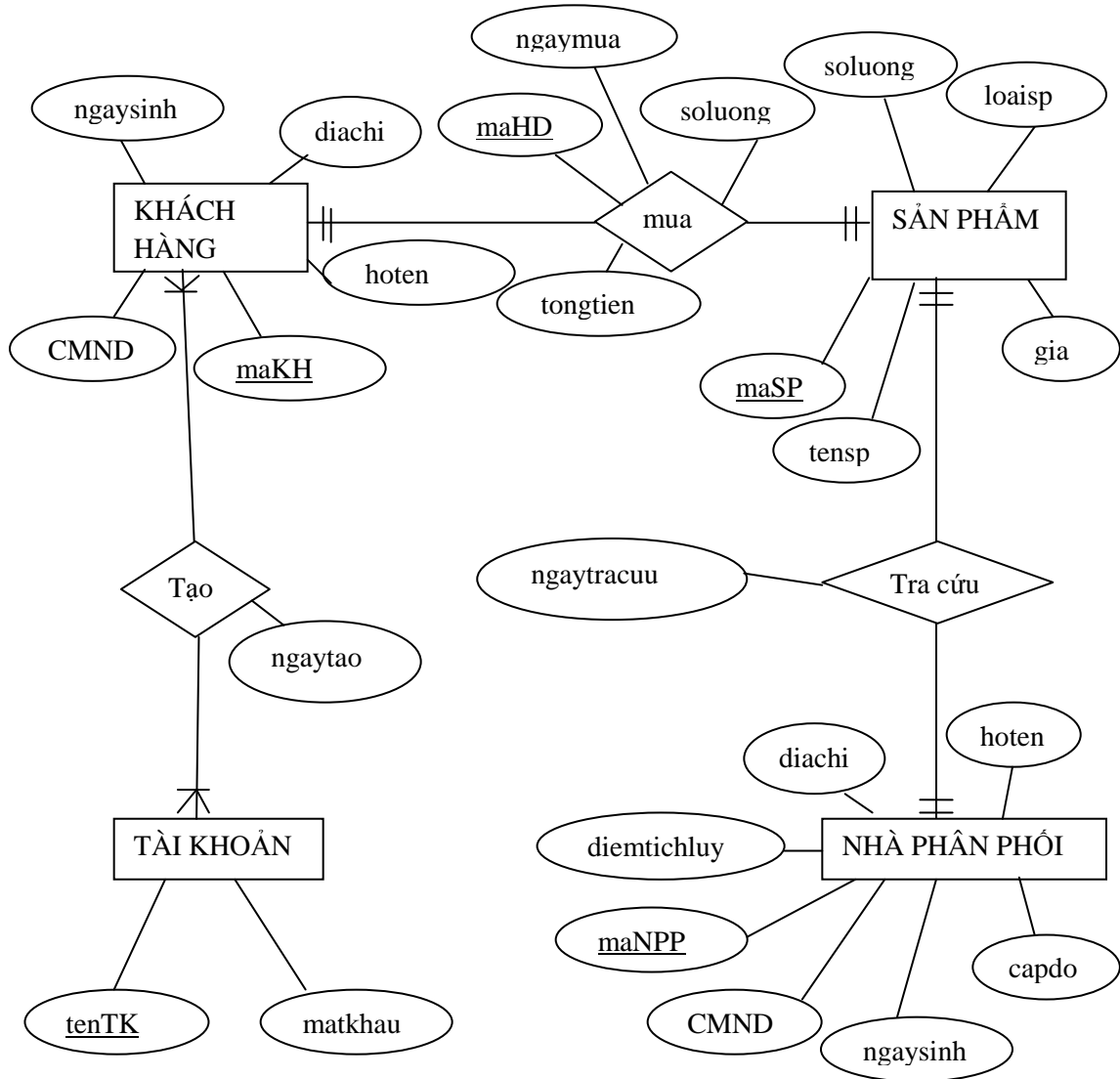
#### b. Động từ TRA CỨU

Câu hỏi cho “TRA CỨU”	Câu trả lời nhận được từ	
	Thực thể	Thuộc tính
Ai Tra cứu?	NHÀ PHÂN PHỐI	
Tra cứu cái gì?	SẢN PHẨM	
Tra cứu khi nào?		Ngày tra cứu

#### c. Động từ TẠO

Câu hỏi cho “TẠO”	Câu trả lời nhận được từ	
	Thực thể	Thuộc tính
Ai TẠO?	NHÀ PHÂN PHỐI	
Tạo cái gì?	TÀI KHOẢN	
Khi nào		Ngày tạo

### 2.3.3. Biểu đồ của mô hình E-R



Hình 2.16. Mô hình E-R của bài toán

## 2.4.Thiết kế cơ sở dữ liệu

### 2.4.1.Chuyển mô hình E-R sang mô hình quan hệ

#### 2.4.1.1.Chuyển mô hình quan niệm sang mô hình quan hệ

##### a. Biểu diễn các thực thể

→ Thực thể KHACHHANG (maKH, hoten, ngaysinh, diachi,CMND) (1)

→ Thực thể NHAPHANPHOI (maNPP, hoten, ngaysinh , diachi, capdo, diemtichluy) (2)

→ Thực thể SANPHAM ( maSP, tensp, loaisp, soluong, gia) (3)

→ Thực thể TAIKHOAN (tenTK, matkhau) (4)

##### b. Biểu diễn mối quan hệ

Quan hệ “ MUA”

→ HOADON (maHD, maKH, maSP, soluong, ngaymua, tongtien) (5)

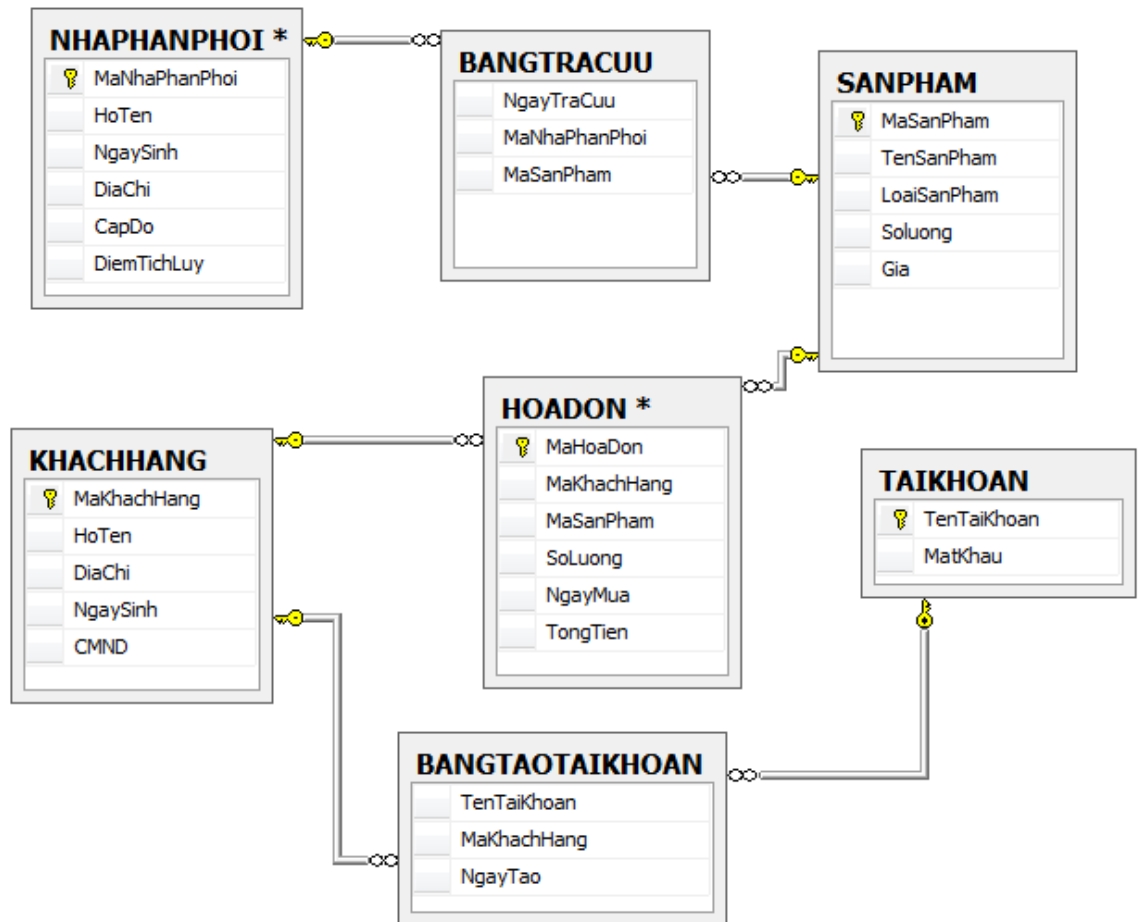
Quan hệ “ TRA CỨU”

→ BANGTRACUU (ngaytracuu, maNPP, maSP) (6)

Quan hệ “ TẠO”

→ BANGTAOTAIKHOAN (tenTK, maKH, ngaytao) (7)

### 2.4.1.2. Biểu đồ mô hình quan hệ



Hình 2.17. Biểu đồ của mô hình quan hệ

## 2.4.2. Thiết kế cơ sở dữ liệu vật lý

### a. Bảng NHAPHANPHOI

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	MaNhaPhanPhoi	nvarchar	50	Mã nhà phân phối, khóa chính
2	HoTen	ntext	18	Họ tên Nhà phân phối
3	DiaChi	ntext	18	Địa chỉ
4	NgaySinh	datetime		Ngày Sinh
5	CapDo	varchar	50	Cấp độ
6	DiemTichLuy	int	8	Điểm Tích Lũy

### b. Bảng KHACHHANG

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	MaKhachHang	nvarchar	50	Mã khách hàng, khóa chính
2	HoTen	ntext	18	Họ tên Nhà phân phối
3	DiaChi	ntext	18	Địa chỉ
4	NgaySinh	datetime		Ngày sinh
5	CMND	int	8	Chứng minh nhân dân

**c. Bảng SAPPHAM**

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	MaSanPham	nvarchar	50	Mã sản phẩm, khóa chính
2	TenSanPham	ntext	18	Tên sản phẩm
3	LoaiSanPham	nvarchar	50	Loại sản phẩm
4	SoLuong	varchar	50	Số lượng
5	Gia	float	8	Giá tiền

**d. Bảng TAIKHOAN**

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	TenTaiKhoan	nvarchar	50	Tên tài khoản, khóa chính
2	MatKhau	varchar	50	Mật khẩu

**e. Bảng HOADON**

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	MaHoaDon	nvarchar	50	Mã hóa đơn, khóa chính
3	MaNhaPhanPhoi	nvarchar	50	Mã Nhà phân phối, khóa ngoài
4	MaSanPham	nvarchar	50	Mã sản phẩm, khóa ngoài
5	SoLuong	varchar	50	Số lượng
6	Ngaymua	datetime		Ngày mua
7	TongTien	float	8	Tổng tiền

**f. Bảng BANGTRACUU**

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	MaNhaPhanPhoi	nvarchar	50	Mã nhà phân phối, khóa ngoài
2	MaSanPham	nvarchar	50	Mã sản phẩm, khóa ngoài
3	TenSanPham	ntext	18	Tên sản phẩm
4	SoLuong	varchar	50	Số lượng
5	Gia	float	8	Giá tiền

**g. Bảng BANGTAOTAIKHOAN**

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	TenTaiKhoan	nvarchar	50	Tên tài khoản, khóa chính
3	MaKhachHang	nvarchar	50	Mã khách hàng, khóa phụ
4	NgayTao	datetime		Ngày tạo

## Chương III. CÀI ĐẶT HỆ THỐNG VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

### 3.1. Hướng dẫn cài đặt

#### 3.1.1. Cài đặt IIS

Các bước để cài đặt IIS:

- Cài IIS 5.1 đối với Windows XP:

Bước 1: Vào menu Start -> Control Panel

Bước 2: Vào mục Add, Remove Program

Bước 3: Trong cửa sổ mở ra, tiếp tục chọn vào Add, Remove Windows Components

Bước 4: Trong cửa sổ tiếp theo, đánh dấu vào mục Internet Information Services (IIS) - đây chính là thành phần mà ta cần cài.

Trong quá trình cài, Windows có thể yêu cầu cho đĩa Windows vào ổ CD để nó chép các file cần thiết. Lúc này ta có thể có hai cách:

- Cho đĩa vào ổ CD và OK.
- Nếu trên máy bạn đã có sẵn thư mục chứa bộ cài đặt Windows, nhấn Browse và tìm đến thư mục I386 có trong bộ cài đặt đó. -> OK

Khi máy báo cài xong, nhấn Finish.

- Cài IIS 7 đối với Windows 7:

Bước 1: Vào *Control Panel* -> *Programs and Features*

Bước 2: Chọn *Turn windows features on or off*

Bước 3: Một cửa sổ hiện ra:

- Chọn dấu tick vào *Internet Information Services*
- Chọn dấu tick vào *World Wide Web Services*
- Chọn dấu tick vào *ASP, ASP.Net*



Click OK

### **3.1.2.Cài đặt SQL Server 2005**

Bước 1: Cài Windows Installer 3.1

Bước 2: Cài Framework 2.0

Bước 3: Cài Microsoft SQL Server 2005

Bước 4: Cài Microsoft SQL Server Management Studio Express

## 3.2. Hướng dẫn sử dụng một số chức năng chính

### 3.2.1. Hướng dẫn sử dụng chức năng ĐĂNG KÝ

Bước 1: Click nút ĐĂNG KÝ

Bước 2: Nhập đầy đủ thông tin cần thiết

Nếu là được người NPP giới thiệu vào mua hàng thì nhập Mã giới thiệu của người đó. Ví dụ như ở đây là REF1

#### Thông tin tài khoản

Tên đăng nhập (*)	<input type="text" value="dothanh"/>
Mật khẩu (*)	<input type="password" value="*****"/>
Xác nhận mật khẩu (*)	<input type="password" value="*****"/>
Email (*)	<input type="text" value="thanh.donhu@gmail.com"/>
Mã giới thiệu	<input type="text" value="REF1"/>

#### Thông tin cá nhân

Họ tên	<input type="text" value="Đỗ Như Thành"/>
Ngày sinh	<input type="text" value="11"/> <input type="text" value="Tháng 12"/> <input type="text" value="1989"/>
Địa chỉ	<input type="text" value="Tổ 42 - khu 5 - phường Hà Phong - Hạ Long - Quảng Ninh"/>
Điện thoại di động	<input type="text" value="01269273680"/>
Điện thoại bàn	<input type="text" value="0333831463"/>
Fax	<input type="text" value="0333831464"/>

#### Mã kiểm tra



Nhập mã kiểm tra

Hình 5.1. Nhập thông tin đăng ký

Bước 3: Sau khi click TẠO TÀI KHOẢN sẽ nhận được thông báo đăng ký thành công và yêu cầu kích hoạt tài khoản với mã kích hoạt đã được gửi vào mail.

Bước 4: Check mail để có mã kích hoạt, sau đó đăng nhập để kích hoạt tài khoản.

### 3.2.2. Hướng dẫn MUA SẢN PHẨM

Bước 1: Chọn sản phẩm

Bước 2: Click nút ĐẶT HÀNG

Bước 3: Xem giỏ hàng, thay đổi sản phẩm trong giỏ hàng và bắt đầu thanh toán.



Giỏ hàng				
<input type="checkbox"/>	Sản phẩm	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
<input type="checkbox"/>	Mật ong nguyên chất Forever Bee Honey	404,000	1	404,000 VNĐ
<input type="checkbox"/>	Viên bổ sung dinh dưỡng - Forever Ginkgo Plus	475,000	1	475,000 VNĐ
<input type="checkbox"/>	Bộ sản phẩm Aroma Spa Collection	1,220,000	1	1,220,000 VNĐ
<input type="checkbox"/>	Nước uống dinh dưỡng - FOREVER Aloe2Go	1,526,000	1	1,526,000 VNĐ
<input type="checkbox"/>	Keo Tạo Kiểu Tóc - Forever Aloe Styling Gel	238,000	1	238,000 VNĐ
Tổng tiền:				3,863,000 VNĐ

Hình 5.2. Giỏ hàng

Sau khi chọn mua, trình duyệt sẽ liệt kê các mặt hàng đã đặt mua hoặc có thể xem lại giỏ hàng của mình bất kỳ lúc nào bằng cách bấm vào nút Giỏ hàng ở phía phải website.

Đánh dấu và nhấn vào nút Xóa mặt hàng này để loại bỏ mặt hàng đó ra khỏi danh sách cần mua.

Khi đã hài lòng với danh mục sản phẩm cần mua nhấn nút MUA HÀNG

Bước 5: Thanh toán, xác nhận và giao hàng.

Sau khi hoàn tất quá trình đặt hàng, hệ thống sẽ tự động tạo mã xác nhận.

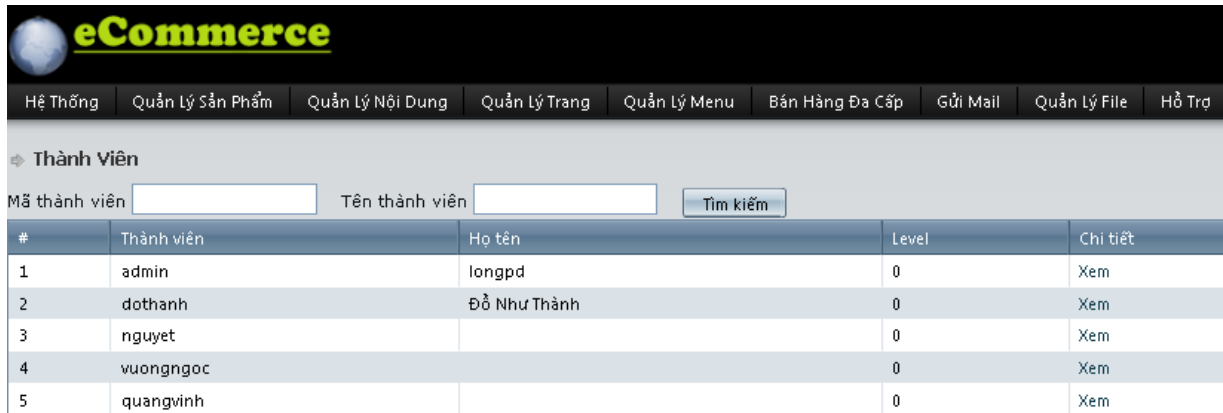
Mã xác nhận sẽ được giao tới tận tay cùng với sản phẩm đã đặt hàng.

Nhập mã xác nhận để có quyền lợi thăng cấp và tính hoa hồng.

### 3.2.3. Hướng dẫn Quản lý NPP

Bước 1: Vào <http://localhost/AdminCP/>

Bước 2: Chọn mục BÁN HÀNG ĐA CẤP để thống kê danh sách và xem thông tin về NPP



#	Thành viên	Họ tên	Level	Chi tiết
1	admin	longpd	0	Xem
2	dothanh	Đỗ Như Thành	0	Xem
3	nguyet		0	Xem
4	wuongngoc		0	Xem
5	quangvinh		0	Xem

Hình 5.3. Thống kê danh sách NPP



Mã NV	Họ tên	Mã người giới thiệu	Mã giới thiệu	Tổng giá trị bán được	Số người đã giới thiệu	Điểm tích lũy	Cấp độ
1	longpd		REF1	VND	1	5	0

#	Mã hóa đơn	Mã người bán	Giá trị	Tiền hoa hồng	Ngày bán
Chưa có sản phẩm nào!					
			VND	VND	

#	Mã NV	Họ tên	Cấp độ hiện tại (Level)
1	14	Đỗ Như Thành	0

#	Mã hóa đơn	Mã SP	Tên SP	Đơn giá	Số lượng	Tổng giá trị	Tiền hoa hồng	Ngày bán
Bạn chưa bán được sản phẩm nào!								
						VND	VND	

Hình 5.4. Xem thông tin NPP

Bước 3: Chọn mục Hệ thống và tiêu mục Quản lý người dùng để cập nhật danh sách NPP

The screenshot shows the eCommerce admin interface. At the top, there is a navigation menu with items: Hệ Thống, Quản Lý Sản Phẩm, Quản Lý Nội Dung, Quản Lý Trang, Quản Lý Menu, Bán Hàng Đa Cấp, Gửi Mail, Quản Lý File, and Hỗ Trợ. Below this is a section titled 'Menu Type Name' containing a table with 5 rows of user data. Each row has a '#', 'User Name', 'UserID', and two '#' columns with icons (a pencil and a red 'X'). Below the table is a form with 'User Name' and 'Password' input fields, and 'Lưu' and 'Bỏ Qua' buttons.

#	User Name	UserID	#	#
1	admin	1		
2	dothanh	14		
3	nguyet	15		
4	vuongngoc	16		
5	quangvinh	17		

Hình 5.5. Cập nhật danh sách NPP

### 3.3.4. Hướng dẫn quản lý sản phẩm

#### a. Quản lý Loại sản phẩm:

Bước 1: Vào <http://localhost/AdminCP/>

Bước 2: Chọn mục Quản lý sản phẩm, tiêu mục Loại sản phẩm

Bước 3: Tiến hành cập nhật Loại sản phẩm

The screenshot shows the 'Sửa Loại Sản Phẩm: Nước uống dinh dưỡng' form. On the left is a sidebar with a tree view containing: Nước uống dinh dưỡng (selected), Sản phẩm từ Ong, Thực phẩm chức năng, Chăm sóc da, Chăm sóc cá nhân, and Mỹ phẩm Sonya. The main form has the following fields: 'Loại Sản Phẩm' (text input with 'Nước uống dinh dưỡng'), 'Liên Kết Tỉnh' (text input with 'Nuoc-uong-dinh-duong'), 'Danh Mục Cha' (dropdown menu), 'Tiêu Đề' (text input), 'Từ Khóa' (text input), 'Miêu Tả' (text area), 'Sắp Xếp' (dropdown menu with '1' and a 'Bật' checkbox), and 'Ảnh' (image upload field with a 'Duyệt...' button and a 'No Image Available' placeholder). At the bottom are 'Thêm Mới', 'Lưu', and 'Xóa' buttons.

Hình 5.6. Quản lý Loại sản phẩm

## b. Quản lý sản phẩm

Bước 1: Vào <http://localhost/AdminCP/>

Bước 2: Chọn mục Quản lý sản phẩm, tiểu mục Quản lý sản phẩm

Bước 3: Tiến hành cập nhật sản phẩm

Quản Lý Sản Phẩm										
Category	Product Name	Product Code	Product ID	Search						
#	Product Name	Code	Price	Category	Published	Best Selling	Manufacturer	ID	#	#
1	Bộ trang điểm - Sonya Glamour Showcase	7058	9362000	Mỹ phẩm Sonya	✓	✗		161	✗	✗
2	Son Bóng - Sonya Lip Gloss	190	194000	Mỹ phẩm Sonya	✓	✗		160	✗	✗
3	Bộ trang điểm - Sonya Palettes	106	2025000	Mỹ phẩm Sonya	✓	✗		159	✗	✗
4	Keo Tạo Kiểu Tóc - Forever Aloe Styling Gel	194	238000	Chăm sóc cá nhân	✓	✗		158	✗	✗
5	Kem Dưỡng Da Sau Khi Cạo Râu - Gentleman's Pride	070	290000	Chăm sóc cá nhân	✓	✗		157	✗	✗
6	Xà Phòng Rửa Mặt Và Cơ Thể - Avocado Face & Body Soap	284	108000	Chăm sóc da	✓	✗		156	✗	✗
7	Kem Dưỡng Da Ban Đêm - Recovering Night Crème	046	672000	Chăm sóc da	✓	✗		155	✗	✗
8	Nước Giữ Ẩm & Làm Sần Da Mặt - Rehydrating Toner	042	328000	Chăm sóc da	✓	✗		154	✗	✗
9	Bộ sản phẩm Aroma Spa Collection	285	1220000	Chăm sóc da	✓	✗		153	✗	✗
10	Viên Bổ Sung Dinh Dưỡng - Forever Nature – Min	037	429000	Thực phẩm chức năng	✓	✗		152	✗	✗
11	Viên bổ sung dinh dưỡng - Forever Multi-Maca	215	421000	Thực phẩm chức năng	✓	✗		151	✗	✗
12	Viên bổ sung dinh dưỡng - Forever Lycium Plus	072	475000	Thực phẩm chức năng	✓	✗		150	✗	✗
13	Viên ngậm - Forever Kids	198	227000	Thực phẩm chức năng	✓	✗		149	✗	✗
14	Viên bổ sung dinh dưỡng - Forever Ginkgo Plus	073	475000	Thực phẩm chức năng	✓	✗		148	✗	✗
15	Viên bổ sung dinh dưỡng - Forever Gin-Chia	047	429000	Thực phẩm chức năng	✓	✗		147	✗	✗

Page: 1 of 2    Go    Page size: 15    Change    Item 1 to 15 of 25

Add New    Export

Hình 5.7. Quản lý sản phẩm

### 3.3.5. Hướng dẫn gửi mail cho thành viên

Bước 1: Vào <http://localhost/AdminCP/>

Bước 2: Chọn mục Gửi Mail

Bước 3: Điền nội dung mail và tiến hành gửi

➤ Gửi mail cho thành viên

Tiêu đề thư

Nội dung

Gửi

Hình 5.8. Gửi mail

### **3.4. Những vấn đề tồn tại và hướng phát triển**

a. Website còn nhiều vấn đề tồn tại chưa khắc phục được như là:

- Chưa có sự kết hợp với các Ngân Hàng để tiến hành thanh toán điện tử.
- Chưa có chiến lược quảng cáo Website.

b. Hướng phát triển trong tương lai:

Nếu như website sau khi hoạt động đạt được thành công nhất định thì có thể sẽ nâng cấp website lên mức cao hơn.

Có thể tiến hành thanh toán điện tử và tự động quảng cáo Website.

## KẾT LUẬN

Trong đồ án này em đã nghiên cứu xây dựng hệ thống Website bán hàng trực tuyến. Đồ án đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

- ◆ Mô tả nghiệp vụ của bài toán và tiến hành mô hình hóa nghiệp vụ bài toán chuẩn bị cho bước sau.
- ◆ Phân tích bài toán theo hướng cấu trúc bao gồm phân tích dữ liệu và phân tích xử lý.
- ◆ Thiết kế hệ thống chương trình bao gồm thiết kế kiến trúc, thiết kế dữ liệu, thiết kế giao diện và các mô đun xử lý.
- ◆ Cài đặt hệ thống và thử nghiệm với một số dữ liệu.

Trong thời gian nghiên cứu, xây dựng chương trình, em đã hết sức cố gắng làm việc với sự giúp đỡ tận tình của thầy giáo hướng dẫn. Chương trình đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên với trình độ và kinh nghiệm còn hạn chế; chương trình vẫn còn nhiều thiếu sót. Rất mong các thầy cô giáo và các bạn tận tình giúp đỡ để chương trình ngày càng được hoàn thiện hơn. Nếu được phát triển tiếp đề tài này, em sẽ tiếp tục hoàn thiện các chức năng của chương trình để có thể đáp ứng được với nhu cầu của các doanh nghiệp.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Vy, *Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý*, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà nội, 2007
- [2] Trung tâm tin học, *Lập trình ứng dụng Web với ASP.NET*, Đại học khoa học tự nhiên thành phố Hồ Chí Minh, 2009
- [3] Tham khảo và dịch tại: [http://en.wikipedia.org/wiki/Microsoft\\_Visual\\_Studio](http://en.wikipedia.org/wiki/Microsoft_Visual_Studio)
- [4] Tham khảo và dịch tại: <http://www.microsoft.com/sqlserver/en/us/default.aspx>
- [5] Website: <http://flpvietnam.com>